

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Thị Tú Minh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
VỀ ĐẸP ĐẤT NƯỚC THỤY ĐIỂN TRONG TIỂU THUYẾT
“CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA NILS”
CỦA SELMA LAGERLOF

Mã sinh viên: 2652020605

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Nguyễn Thị Tú Minh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
VỀ ĐẸP ĐẤT NƯỚC THUY ĐIỂN TRONG TIỂU THUYẾT
“CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA NILS”
CỦA SELMA LAGERLOF

Mã sinh viên: 2652020605

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Phương

NINH BÌNH, 2026

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và động viên từ thầy cô, gia đình và bạn bè.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, Trường Đại học Hoa Lư đã tận tình giảng dạy và truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô Nguyễn Thị Phương – người trực tiếp hướng dẫn, luôn tận tình góp ý và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những chỉ bảo và định hướng của cô là nguồn động viên lớn để em hoàn thành đề tài này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè đã luôn bên cạnh động viên, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp với đề tài: *“Vẻ đẹp đất nước Thụy Điển trong tiểu thuyết “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils” của Selma Lagerlof”* là kết quả của quá trình nghiên cứu nghiêm túc và độc lập của bản thân em dưới sự hướng dẫn của cô Nguyễn Thị Phương.

Các nội dung, tư liệu và kết quả nghiên cứu được trình bày trong khóa luận là trung thực, khách quan và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Những tài liệu tham khảo và ý kiến của các tác giả được sử dụng trong khóa luận đều đã được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung khóa luận.

Ninh Bình, ngày ... tháng 5 năm 2026

Người cam đoan

Nguyễn Thị Tú Minh

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN

Tôi xin xác nhận, khóa luận tốt nghiệp với đề tài: *“Vẻ đẹp đất nước Thụy Điển trong tiểu thuyết “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils” của Selma Lagerlof”* là kết quả nghiên cứu của sinh viên Nguyễn Thị Tú Minh – lớp D15TH3, Trường Đại học Hoa Lư dưới sự hướng dẫn của tôi.

Khóa luận được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tính trung thực trong nghiên cứu. Các tài liệu tham khảo và nội dung trích dẫn trong khóa luận đều rõ ràng, đúng quy định và chưa từng được công bố trong các công trình nghiên cứu khoa học khác.

Ninh Bình, ngày ... tháng 5 năm 2026

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
2.1. Về tác giả.....	2
2.2. Về tác phẩm.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	4
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	4
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	5
6.1. Ý nghĩa khoa học	5
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	5
NỘI DUNG.....	6
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM.....	6
1.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Selma Lagerlof	6
1.1.1 Cuộc đời	6
1.1.2. Sự nghiệp sáng tác	10
1.2. Tác phẩm “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils”	15
1.2.1. Hoàn cảnh sáng tác.....	15
1.2.2. Giá trị nội dung và nghệ thuật.....	17
1.2.2.1. Giá trị nội dung	17
1.2.2.2. Giá trị nghệ thuật.....	19
Kết luận chương 1	22
Chương 2: VẼ ĐẸP CỦA ĐẤT NƯỚC THỤY ĐIỂN TRONG TIỂU THUYẾT “CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA NILS”	23
2.1. Vẻ đẹp thiên nhiên	23
2.1.1. Cấu trúc địa hình đa dạng	23
2.1.1.1. Vùng đồng bằng phía Nam	23
2.1.1.2. Vùng cao nguyên, rừng rậm và hồ nước ở miền Trung.....	25
2.1.1.3. Địa hình bờ biển, quần đảo và các hòn đảo đá phía Đông và Tây	27

2.1.1.4. Vùng núi cao, thung lũng băng giá, vùng đài nguyên ở phía Bắc	31
2.1.2. Động, thực vật phong phú.....	34
2.1.2.1. Động vật.....	34
2.1.2.2. Thực vật.....	36
2.1.3. Cảnh sắc đặc trưng theo mùa	38
2.1.3.1. Cảnh sắc mùa đông	38
2.1.3.2. Cảnh sắc mùa xuân.....	39
2.1.3.3. Cảnh sắc mùa hè.....	41
2.1.3.4. Cảnh sắc mùa thu	43
2.2. Vẻ đẹp của đời sống con người.....	44
2.2.1. Cần mẫn, sáng tạo trong lao động.....	44
2.2.2. Quý trọng tự do, lòng nhân ái và sự chính trực	50
2.2.3. Trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống.....	58
Kết luận chương 2	64
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	66

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Năm 1909, giải thưởng Nobel văn chương thuộc về Selma Lagerlof, người Thụy Điển. Bà là nữ văn sĩ đầu tiên trên thế giới giành được vinh dự lớn lao này. Năm ấy bà 51 tuổi, năm năm sau bà được bầu làm nữ viện sĩ đầu tiên của Viện Hàn Lâm Thụy Điển.

Trong số các tác phẩm làm nên tên tuổi của bà như: *Truyền thuyết về Gosta Berling* (1891), *Những phép lạ của kẻ chống Chúa* (1897), *Huyền thoại về Jesus* (1904), *Người đánh xe Thần chết* (1912), ... không kể đến *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*, cuốn sách được dịch ra khoảng 60 thứ tiếng và là niềm say mê của độc giả thuộc nhiều lứa tuổi ở khắp nơi trên thế giới. Thậm chí nhà văn Nhật Bản Kenzaburo Oe, người đạt giải Nobel năm 1994 ngay trong diễn từ nhận giải thưởng Nobel của mình đã dành hẳn một phần bài viết để nói về những ảnh hưởng sâu sắc và to lớn của cuốn sách này đến tuổi thơ, sự hình thành con người văn học của ông. Ông thừa nhận “Ảnh hưởng của Nils đối với tôi lớn đến mức đã có lúc tôi có thể gọi tên những địa danh xinh đẹp của Thụy Điển tốt hơn những địa danh của đất nước mình”.

Những câu chuyện có tính thần thoại ấy không chỉ là những câu chuyện vui cho tuổi trẻ, đọc xong rồi quên đi với thời gian, chúng đã trở thành những hạt giống tâm hồn, những câu chuyện “khai tâm” cho tuổi nhỏ và còn đọng lại lâu dài trong tiềm thức. Thế giới tinh thần của biết bao trẻ em đã được “khai mở” với muôn vàn hình ảnh và ý tưởng phong phú từ cuốn sách đặc biệt của Selma Lagerlof như thế.

Trong cuộc thi viết sách cho trẻ em ở Thụy Điển năm 1906 ấy, người ta chờ một cuốn địa lí, ai ngờ Selma Lagerlof đã mang đến cho đồng bào mình một áng văn chương tuyệt vời về đất nước, cuộc đời và lòng người, đậm đà tính nhân đạo. Ban đầu được sáng tác với mục đích giúp trẻ em học địa lí Thụy Điển một cách sinh động, hấp dẫn nhưng tác phẩm đã vượt ra ngoài giới hạn của một cuốn sách giáo khoa để trở thành kiệt tác văn học thế giới. Cuộc hành trình của cậu bé Nils Holgersson trên lưng đàn ngỗng trời không chỉ hấp dẫn về mặt cốt

truyện mà còn gợi mở trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ và đậm đà bản sắc dân tộc Thụy Điển.

Được tiếp xúc với một tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới như “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” độc giả Việt Nam, đặc biệt là học sinh Tiểu học có cơ hội biết tới một không gian địa lý và nền văn hoá mới mẻ so với không gian sống quen thuộc của các em. Đó là một “kênh” cảm xúc, nhận thức quan trọng nuôi dưỡng tâm hồn và khơi gợi trí tưởng tượng phong phú cho các em về thế giới này.

Là giáo viên tiểu học trong tương lai, việc nghiên cứu tác phẩm mang lại nhiều ý nghĩa cho chúng tôi trong việc giảng dạy sau này. Thứ nhất, chúng tôi có điều kiện hiểu rõ hơn về giá trị của một tác phẩm lớn trong văn học thiếu nhi thế giới. Thứ hai, chúng tôi có cơ hội để vận dụng vào dạy học tích hợp môn Tiếng Việt và Tự nhiên và Xã hội, giúp học sinh có thể vừa rèn luyện năng lực ngôn ngữ, vừa mở rộng tri thức, trí tưởng tượng và tình yêu thiên nhiên, cuộc sống.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài khoá luận tốt nghiệp: “*Vẻ đẹp đất nước Thụy Điển trong tiểu thuyết “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils” của Selma Lagerlof*”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

“*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” của Selma Lagerlof được biết đến rộng rãi trên thế giới ngay từ khi cuốn sách ra đời và được giới thiệu ở Việt Nam từ những năm 80 của thế kỷ XX, tuy nhiên các bài viết về “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” bằng Tiếng Việt được công bố tại Việt Nam còn rất ít.

Cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về cuốn sách này, sau đây là những bài viết có liên quan đến nội dung đề tài:

2.1. Về tác giả

Trong “*Cảo thơm lần giở: Lagerlof nghĩ gì?*”, tác giả Hữu Ngọc trên tờ *Sức khỏe và Đời sống* nhấn mạnh thời thơ ấu đầy ảm đạm nhưng giàu nghị lực của nữ văn sĩ, điều này tác động rất lớn vào thế giới quan, tâm lý sáng tác của bà. [5]

Tác giả Nguyễn Văn Khoa ở bài viết *Selma Lagerlof với “Cuộc Phiêu Lưu Kỳ Diệu Của Nils”* (Nhà Xuất bản Trẻ) phân tích phong cách kể chuyện tự nhiên, chất phác và giàu chất thơ mang đậm thi vị dân gian Thụy Điển của Selma. [6]

“*Selma Lagerlof với “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils”*” [14] là lời giới thiệu của dịch giả Hoàng Thiệu Sơn cho cuốn sách. Trong đó, tác giả giới thiệu khái quát những nét nổi bật về cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn.

2.2. Về tác phẩm

“*Mãi vẫn là kỳ tích*” (Báo *Công an nhân dân* online) [7] của Trần Đắc Danh viết nhân kỷ niệm 150 ngày sinh của nữ văn sĩ. Tác giả đã điếm qua những nét nổi bật trong sự nghiệp và nội dung các cuốn sách quan trọng nhất của Selma, trong đó theo ông nổi bật vẫn là *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*.

Hoàng Mai trong “*Không thể rời mắt với “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils”*” (Báo *Tri thức và cuộc sống*) [10] lại nhấn mạnh về những bài học đạo đức sâu sắc mà nhân vật và bạn đọc nhận được từ cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nils, đây cũng chính là cơ hội để trẻ em biết đến, tìm hiểu về một đất nước Bắc Âu xinh đẹp còn xa lạ với chúng ta.

“*Mùa hè hạnh phúc cùng với “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils”*” của Phong Linh (Báo *Phụ nữ Việt Nam* điện tử) [9] đã phân tích hành trình của Nils và mối quan hệ của cậu với thiên nhiên và động vật. Đồng thời, cũng cho thấy những trải nghiệm và sự trưởng thành của Nils gắn liền với thiên nhiên và từ đó rút ra những bài học về lòng dũng cảm, nhận thức về môi trường và sự tôn trọng người yếu thế.

Diên Khánh với “*Cuốn truyện thiếu nhi xuất sắc đưa tác giả đến với giải Nobel*” (tạp chí *Tri thức*) [8] lại đề cập đến sự đa dạng của thiên nhiên Thụy Điển. Cái hấp dẫn của cảnh quan thiên nhiên chính là hệ quả của thời tiết và địa hình.

“*Selma Lagerlof với “Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils”*” [14] dịch giả Hoàng Thiệu Sơn chỉ ra những phương diện làm nên giá trị của tác phẩm đó là

cái nhìn sinh động về thiên nhiên với đặc trưng khí hậu, động thực vật, là cuộc sống sinh hoạt của người dân Thụy Điển thời kì tiền công nghiệp, chuyến đi kỳ lạ nên người của cậu bé Nils, cách dùng chuyện của loài vật để dạy con người, lối viết sinh động, tinh tế, hóm hỉnh, trí tưởng tượng vô cùng phong phú của nhà văn. Hoàng Thiệu Sơn cũng khẳng định đây chính là cuốn sách đạo lí cho cả người lớn và trẻ em.

Có thể thấy rằng các nghiên cứu đa số tập trung phân tích tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” ở các khía cạnh như hành trình nhân vật, giá trị giáo dục và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Thực tế, chưa có công trình nào đi sâu vào việc nghiên cứu một cách hệ thống về vẻ đẹp đất nước Thụy Điển trong tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*”. Dù vậy, tất cả suy ngẫm, cảm nhận, ý kiến của các tác giả ở các bài viết trên vẫn là nguồn tài liệu, gợi ý quý giá và cũng là tiền đề khoa học để chúng tôi tham khảo khi thực hiện đề tài này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” để làm rõ vẻ đẹp của đất nước Thụy Điển, qua đó bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên và con người, vận dụng vào giảng dạy ở Tiểu học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Selma Lagerlof.
- Phân tích các yếu tố làm nên vẻ đẹp của đất nước Thụy Điển được thể hiện trong tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*”.
- Khẳng định những đóng góp to lớn của nhà văn Selma Lagerlof cho nền văn học Thụy Điển hiện đại và văn học thế giới, đặc biệt là văn học thiếu nhi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Vẻ đẹp của đất nước Thụy Điển trong tiểu thuyết “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” của Selma Lagerlof.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong khoá luận, chúng tôi nghiên cứu tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*” của Selma Lagerlof NXB Trẻ, năm 2017, tái bản lần thứ 4, Hoàng Thiều Sơn dịch.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, phân loại: Thống kê, tập hợp, phân loại các tài liệu liên quan đến khoá luận, các dữ liệu trong tác phẩm làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá tác giả, tác phẩm.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phân tích, tổng hợp các dữ liệu trên cơ sở hệ thống đã thống kê, phân loại để làm sáng tỏ các luận điểm và khái quát thành những kết luận đáng tin cậy, có tính thuyết phục cao.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu: Sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu với một số tác phẩm văn học thiếu nhi cùng thể loại nhằm làm nổi bật nét độc đáo trong sáng tác của Selma Lagerlof.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài nghiên cứu góp phần khẳng định giá trị một trong những phương diện nổi bật của tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*”, đó là vẻ đẹp thiên nhiên, con người của đất nước Thụy Điển. Qua đó, hiểu biết thêm về một tác giả lớn của văn học Bắc Âu với những đóng góp quan trọng cho văn học thiếu nhi nói riêng, văn học thế giới nói chung. Tăng cường kỹ năng đọc hiểu tác phẩm văn học thiếu nhi, áp dụng vào quá trình giảng dạy sau này.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài sẽ trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, giáo viên dạy Tiểu học và những người quan tâm đến văn học thiếu nhi.

NỘI DUNG

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

1.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Selma Lagerlof

1.1.1 Cuộc đời

Selma Ottiliana Lovisa Lagerlof ra đời ngày 20 tháng 10 năm 1858 tại ấp Morbacka thuộc tỉnh Varmland giàu có. Lên ba tuổi, cô bé Selma bị liệt cả hai chân, sáu năm sau mới được chũr khỏi và di chứng để lại là bước đi hơi cà nhắc. Sự éo le của số phận đã vô tình đưa cô vào thế giới mộng ảo. Ở cái tuổi hiếu động mà phải nằm một chỗ, cô bé chỉ còn một cách là rút vào thế giới mộng ảo của những truyện cổ. Tối tối được nghe bà nội và cha về các vị anh hùng, các truyền thuyết dân gian và những linh hồn của núi rừng. Nhân vật trong mỗi câu chuyện ấy là những người bạn đầu tiên của cô bé bị liệt, và sau này nữ văn hào Lagerlof vẫn xem là những “bạn cố tri thân yêu, thời xưa... đã đem đến cho kẻ sống cô độc những hình ảnh đầu tiên của một cuộc đời phiêu lưu” [14].

Những câu chuyện ấy không chỉ là niềm an ủi, mà đã trở thành những viên gạch đầu tiên xây đắp nên một thế giới quan vừa kỳ ảo, vừa chân thực trong tâm trí bà.

Cảnh sống cô độc làm cho cô bé trở nên kín đáo và nhạy cảm. Về cuối đời, trong một truyện tự thuật, Selma Lagerlof kể lại là năm lên mười, bố ốm nặng, anh và chị đều cầu Chúa cho bố khỏi, Selma thì không làm thế, sợ người ta cười, nhưng lại tâm niệm sẽ đọc trọn bộ Kinh Thánh không bỏ sót một chữ, để Chúa thấu rõ lòng thành, giúp cho bố tai qua nạn khỏi. Và một thời gian dài, trong gia đình không ai hiểu cái nguyên nhân huyền bí nào đã thu hút cô bé vào bộ sách đồ sộ mà chắc chắn là cô không hiểu chút nào cả.

Nhưng khi mà cô bé quen sống trong mộng ảo ấy lớn lên thì các thế giới quen thuộc, thân yêu của cô đang bước vào thời tan rã. Trong nửa sau của thế kỉ 19, Thụy Điển chuyển nhanh từ kinh tế nông nghiệp sang cách mạng công nghiệp. Quý tộc địa chủ và chủ nhân của những sản nghiệp nông nghiệp và thủ

công tổ chức theo kiểu gia trưởng, thi nhau phá sản. Cả tỉnh Vecmland lâm vào cảnh khó khăn. Cha là điền chủ nên gia đình Selma cũng không thoát khỏi tình cảnh chung. Cái trại Marbacka không nuôi nổi gia đình Lagerlof. Năm 1885, bố mất, chị của Selma liền đem bán cho người khác. Cho đến mãi 24 năm sau, với số tiền thưởng từ giải Nobel, cô giáo Selma mới chuộc lại được cái trang trại thân yêu lưu giữ đầy kỷ niệm thời thơ ấu, để thực hiện niềm đam mê của một người nông dân yêu đất: trồng trọt, chăm sóc cây cỏ, sống chan hòa với thiên nhiên và yêu thương những người nông dân chất phác quanh mình.

Gia đình sa sút, Selma đã phải lo tự thân lập thân. Thi vào trường Cao học Sư phạm ở Stockholm, khi tốt nghiệp đã gần ba mươi tuổi, Selma được đi dạy tại một trường trung học ở Landskrona, một cảng nhỏ trên bờ biển phía nam. Những năm còn là sinh viên, Selma đã được chứng kiến những cuộc tranh luận ráo riết và chính mình cũng tham gia tích cực những cuộc tranh luận ráo riết của thời mình: về giải phóng phụ nữ, về chống nạn nghiện rượu, về chủ nghĩa xã hội, về bảo vệ hòa bình. Những năm cuối thế kỉ, các cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng, sản phẩm công nghiệp không tìm được thị trường tiêu thụ, nạn thất nghiệp buộc một phần lớn thanh niên nông thôn phải di cư sang châu Mỹ. Không sống tách rời những cuộc đấu tranh xã hội, cũng muốn góp tiếng nói vào những tiếng xôn xao của thời mình, cô giáo Selma cầm bút viết văn khi đã ngoài ba mươi tuổi.

Diễn văn long trọng Selma Lagerlof đọc trong lễ nhận giải thưởng Nobel, cũng là một saga li kì và hết sức bất ngờ. Văn hào kể lại là mình đã lên trời, tìm gặp linh hồn người cha quá cố, “làm bộ lo lắng vô cùng, xin cha một lời khuyên phải lẽ, vì đang mắc nợ người ta không biết bao nhiêu mà kể”. Và nợ những ai, Selma nói rõ: nợ cha mẹ, bà con, xóm làng, nợ các hiệp sĩ giang hồ trong các truyện cổ, nợ yêu lùn, quỷ núi của đất nước Thụy Điển. Thật vậy, từ tám bé, khi đôi chân còn bị liệt, tâm hồn Selma đã được dưỡng dục bằng những truyện kể của cha về sự tích các hiệp sĩ, “*những truyện hoang đường mà những bà già tóc bạc kể cho đám trẻ con ngồi trong buồng trên những ghế thấp nghe; những truyện mà người ở và tá điền kể cho nhau nghe trong khi hơi bốc lên từ áo quần*

thấm nước và với những con dao có vỏ đựng bằng da họ phết bơ lên bánh mì mềm; những cuộc phiêu lưu ngày xưa mà chủ ông đã già, ngồi ghé xích đu, kể lại trước làn khói của những cốc nước nóng pha rượu với chanh” [14]. Trong số những người mình mắc nợ, Selma Lagerlof còn kể đến “những tác giả vĩ đại Na Uy và Nga”, nhất là H. Ibsen. Nhưng trong việc hình thành phong cách độc đáo của Selma Lagerlof thì giáo dục của gia đình và truyền thống của quê hương, của tỉnh Varmland mà “cứ bước chân ra các bao lơn là các truyện cổ bay phấp phới khắp chung quanh như những con ong mùa hạ” [14] đã đóng vai trò quyết định hơn những nhà văn hiện thực chủ nghĩa tiền bối mà Selma hằng kính phục.

Giáo dục gia đình và truyền thống quê hương làm cho Selma Lagerlof như nhớ tiếc đời sống gia trưởng của nông thôn Thụy Điển, ngậm ngùi cho số phận suy tàn không cơ vận hồi của xã hội nông dân gia trưởng ấy trước sức tấn công không thương xót của chủ nghĩa tư bản, nhưng vẫn lạc quan mong chờ một ngày mai lí tưởng sẽ đến, như trong các truyện dân gian. Tuy vậy, những vấn đề mà Selma Lagerlof đề cập đến trong các tác phẩm của mình cũng chỉ là những vấn đề của xã hội trước mắt, như bất kì tác phẩm hiện thực chủ nghĩa nào cùng thời. Có điều là Selma Lagerlof không đi thẳng vào hiện thực, mà mượn những biểu tượng từ những thế giới hư huyền hay xa xưa, để phản ánh hiện thực. Và có lẽ không có nhà văn nào đã tìm ra những biểu tượng có sức hấp dẫn lòng người đến thế. Nhưng qua các biểu tượng, không ai là không nhận thấy “nội dung các tác phẩm của bà luôn luôn thấm nhuần sâu sắc ý thức trách nhiệm xã hội” [14].

Selma Lagerlof quan niệm rằng nghệ thuật phải góp phần xây dựng cho con người “một cuộc đời chính trực”. Đối với hiện thực xã hội, Selma Lagerlof am hiểu sâu sắc, vì suốt đời sống gần nhân dân và quần chúng đọc sách của mình. Trong số những người mà mình “mắc nợ”, Selma còn kể đến những nông dân trên đất nước Thụy Điển, những người đã kéo nhau di cư ra nước ngoài, tất cả những ai đã làm cho ngôn ngữ của dân tộc phong phú. Vì lòng yêu thương và cảm thông với những con người như thế mà Selma Lagerlof đã xây dựng

được trong các tác phẩm của mình biết bao con người bình thường mà rất quyền luyến với người đọc và quý hơn nữa là những cảnh đời ngụ ý tốt đẹp, và cả những ý nghĩ thực sự tốt đẹp nữa, chẳng hạn: “Tôi nghĩ là không có gì đẹp hơn được thấy những người xả thân để sống một cuộc đời chính trực”.

Không chỉ là một nhà văn, Selma Lagerlof còn là một nhà hoạt động xã hội quyết liệt với tư tưởng tiến bộ vượt thời đại. Selma Lagerlof không ngần ngại đấu tranh: đấu tranh cho đời sống của “những người hèn mọn”, cho hạnh phúc của phụ nữ, cho tiến bộ của xã hội, cho cái tốt thắng cái xấu trong quan hệ giữa người với người. Bà là một thành viên tích cực của phong trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ tại Thụy Điển. Bài phát biểu của bà tại Hội nghị Quyền bầu cử Phụ nữ Quốc tế năm 1911 đã gây chấn động khi khẳng định rằng "người phụ nữ chính là người xây dựng tổ ấm, và thế giới cần sự chăm sóc của họ như một ngôi nhà lớn".

Selma Lagerlof tích cực bảo vệ những nhà trí thức bị đàn áp vì tư tưởng, vì chính kiến: hăng hái lao vào các cuộc chiến đấu, ra những bản tuyên ngôn, mở những cuộc quyên tiền ủng hộ các chiến sĩ đấu tranh cho tự do vì Selma Lagerlof vẫn cho rằng: tự do tư tưởng và tự do ngôn luận phải là những điều cần thiết bảo đảm cho phẩm giá của con người. Để bảo đảm đời sống của loài người, Selma Lagerlof nghĩ là còn phải đấu tranh cho hòa bình nữa. Khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, bà đã dùng uy tín của mình để giúp đỡ các nghệ sĩ và trí thức Do Thái chạy trốn khỏi Đức Quốc xã (trong đó có nhà thơ Nelly Sachs – người sau này cũng đoạt giải Nobel). Trong cuộc *Chiến tranh Mùa đông* giữa Phần Lan và Liên Xô, bà đã quyên góp huy chương vàng Nobel và huy chương vàng của Viện Hàn lâm Thụy Điển để gây quỹ cứu trợ cho người dân Phần Lan. Đối với bà, danh hiệu không quý bằng mạng sống con người. Giải Nobel không chỉ mang lại vinh quang cá nhân, mà còn là công cụ để Selma Lagerlof thực hiện lý tưởng nhân đạo của mình. Bà đã chứng minh rằng sức mạnh của một nhà văn không chỉ nằm ở những con chữ trên giấy, mà còn ở lòng dũng cảm đứng lên bảo vệ công lý và tình yêu thương đồng loại trong những giờ phút đen tối nhất của lịch sử.

Về cái tâm và cái tài của Selma Lagerlof, có thể nói rất công bằng như Marc Soriano rằng: “Lòng nhân hậu và biết xót thương của bà cho phép bà tiên cảm một thế giới công bằng hơn và giữ vẹn lòng tin của con người. Trong chừng mực nào đó người ta lại còn có thể khẳng định rằng bà chuẩn bị cho tương lai ấy, vì bên ngoài những ý kiến còn mơ hồ của bà, bà biết nghệ thuật nói thẳng với lòng người. Về bà, người ta có thể nói cái điều mà Frederick đã nói về Andersen: “Lòng từ ái của con người cũng là một nhân tố làm tiêu tan những gì xấu xa và lạc hậu” [14].

Giữa lúc Đại chiến thế giới thứ hai lan lên Bắc Âu thì Selma Lagerlof qua đời, ngày 16 tháng ba 1940, thọ tám mươi hai tuổi. Nghe tin, toàn dân Thụy Điển xúc động, quên hẳn chiến cục đang diễn ra dữ dội trên đất Na Uy bên cạnh. Chiếc tàu thủy chạy trên biển Aland mang tên Gosta Berling kéo còi báo tang, các tàu khác trên suốt mặt biển Baltic kéo theo, toàn thể nhân dân và triều đình Thụy Điển để tang, trên bàn làm việc của bà vẫn còn những lá thư vụng về và chân thật của trẻ em ở nhiều nơi cảm ơn bà về câu chuyện phiêu lưu của Nils bởi “hơn cả công chúa, hơn cả vương hậu, đó là Selma Lagerlof” [14]. Selma Lagerlof đã chứng minh rằng sức mạnh của một nhà văn không chỉ nằm ở khả năng dệt nên những huyền thoại, mà còn ở lòng dũng cảm đứng lên bảo vệ công lý. Selma Lagerlof chính là biểu tượng của một tâm hồn tự do, một người phụ nữ đã dùng cả cuộc đời để chứng minh rằng: Tình yêu thương và trí tưởng tượng chính là đôi cánh mạnh mẽ nhất giúp con người bay cao hơn mọi giới hạn của số phận.

1.1.2. Sự nghiệp sáng tác

Nếu Thụy Điển là xứ sở của những câu chuyện cổ tích và vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, thì Selma Lagerlof chính là "người kể chuyện vĩ đại" đã đưa linh hồn của vùng đất này ra thế giới. Cuộc đời bà là một hành trình phi thường, đi từ những nỗi đau cá nhân đến vinh quang của một giải Nobel Văn học, để lại một di sản văn chương quý giá cho Thụy Điển và thế giới.

Selma Lagerlof chính thức có mặt trên văn đàn Thụy Điển khi đã ngoài ba mươi tuổi. Và từ đó cho đến khi thanh thản rời bỏ cõi sống này bà liên tục

cho ra đời những cuốn sách thuộc nhiều phương diện của đời sống con người với bút pháp linh hoạt, tài hoa đem lại một dấu mốc quan trọng cho văn chương của xứ sở mình.

Giai đoạn khởi đầu: Selma ra mắt bạn đọc với cuốn sách đầu tay *Truyện cổ Gosta Berlings* vào ngày lễ Giáng sinh năm 1891, nhân dân Thụy Điển được đọc một cuốn truyện li kì, duyên dáng, quyến rũ vô cùng, kể lại đời sống lạ lùng, gần như điên dại, tựa hồ ma quái, ở một xã nọ trong tỉnh Varmland vào những năm 20 của thế kỉ 19, do những trò đùa nghịch của một nhóm người gọi là “hiệp sĩ” bày ra. Họ là những quân nhân giải ngũ, những triết gia, thi nhân, nghệ sĩ, nhà phát minh, “toàn những hảo hán, gan góc mà tiếng tăm còn lâu mới phai mờ ở đất Varmland... Đời sống của các hiệp sĩ chỉ là “cuộc vui suốt tháng” do Gosta Berlings dẫn đầu, mà nhân dân tỉnh Varmland truyền tụng gần như sự tích hoang đường, nhưng Selma Lagerlof kể lại không phải để lưu truyền truyện cổ, mà qua những “hiệp sĩ” để phê phán những văn nhân, nghệ sĩ hão huyền không biết quan tâm đến đời sống nhân dân; cuối truyện các tai họa xảy đến đã làm cho kẻ siêu nhân lãng mạn Gosta Berlings tỉnh ngộ, quyết tâm lấy “cảnh thanh bần và lao碌” làm phương thuốc chữa bệnh ngông cuồng của mình. Bên cạnh đó, Selma Lagerlof còn đề cập bao vấn đề thuộc nhiều mặt khác nhau trong đời sống: tôn giáo, tín ngưỡng, hôn nhân, gia đình, lao động, sản xuất, quan hệ xã hội, nên cuốn tiểu thuyết mang danh là truyện cổ đó phong phú nội dung hiện thực, đậm đà màu sắc trữ tình; năm 1890 đã được giải nhất trong một cuộc thi tiểu thuyết, rồi năm sau xuất bản thành sách, liền đặt tác giả của nó lên hàng những nhà văn lỗi lạc của các dân tộc Bắc Âu.

Những dây ràng buộc vô hình ra đời năm 1894. Trong tập truyện Selma Lagerlof đã dựng nên chuyện Nàng quận chúa hòa bình mà hôn nhân của nàng đã chấm dứt can qua bao nhiêu năm giữa hai nước láng giềng Na Uy và Thụy Điển. Đây cũng là dấu mốc đặc biệt trong sự nghiệp của Selma, bà đã tìm ra đường đi mới, năm sau Selma Lagerlof thôi dạy học, chuyên hẳn sang viết văn. Cũng từ giữa thập niên 1895, được nhận trợ cấp của vua Oscar II và sự giúp đỡ tài chính của Viện Hàn lâm Thụy Điển, Selma đi du lịch qua các nước Ý,

Palestine, Ai Cập và viết tác phẩm lớn *Những phép lạ của tên nghịch Chúa* (1897). Cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh vùng Sicilia, phản ánh sự xung đột giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo. Và liên tiếp sau đó là: *Những phép màu của Phán Cơ Đốc*, *Những tòa gia trạch cổ*, *Những vương hậu ở Kungahallê*, *Chiếc vòng của người đánh cá*.

Giai đoạn đỉnh cao: Thế kỉ 20 bắt đầu, Selma Lagerlof đã cho ra đời bộ tiểu thuyết lớn *Jerusalem* (1901-1902). Một trong những kiệt tác lớn nhất của bà, kể về cuộc di cư của một nhóm nông dân Thụy Điển sang vùng đất thánh. Cuốn tiểu thuyết gồm hai tập *Jerusalem ở Dalarne* và *Jerusalem ở Đất Thánh*, dựa vào một việc thật: Một người thủy thủ như được linh ứng đi truyền Kinh Phúc Âm, tập hợp một nghìn năm trăm người đưa sang lập một cộng đồng theo Phúc Âm ở châu Mỹ. Nhân vật của bộ *Jerusalem* là những nông dân một xã ở tỉnh Dalarne, thật thà, chất phác, trung thành với những phong tục cổ truyền của ông bà, bỗng được một người di cư từ bên Mỹ về giảng truyền Phúc Âm làm cho xao xuyến tâm hồn, nhiều người rời khỏi quê cha đất tổ nhưng đáng lẽ đi sang Mỹ thì Selma Lagerlof lại cho họ đi đến Đất Thánh Jerusalem và lập ở đây một xã hội công bằng “một cộng đồng thực sự là Jerusalem từ trên trời hạ xuống”, mọi người sống hòa thuận, thương yêu nhau, chung nhau của cải, nuôi dạy trẻ nghèo, chữa bệnh người ốm, không xây nhà thờ mà thuyết giáo ngay giữa quảng trường vì tự cho là những người duy nhất giữ được đạo Cơ Đốc chân chính. Viết về nông dân có lẽ không nhiều cuốn tiểu thuyết đã tả được nông dân với bút pháp hiện thực và tấm lòng thông cảm như bộ *Jerusalem* này.

Vào năm 1902, nhà văn kể lại bước đường sáng tác của mình trong cuốn *Một truyện cổ về một truyện cổ*. Với phong cách quen thuộc đó trong năm 1904, bà viết thêm hai cuốn *Những đồng tiền bạc của ông Arnê* và *Truyện Chúa Cơ Đốc*, *Những huyền thoại về Chúa Kitô* (1904): Tập truyện ngắn tái hiện các điển tích về Chúa bằng ngòi bút giàu trí tưởng tượng và lòng nhân ái.

Hai năm sau, nhân cuộc thi viết sách tập đọc cho các trường mà *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils* ra đời; và chẳng bao lâu tiếng tăm của “cuốn sách tập đọc” đó đã lan khắp thế giới, đến nỗi làm cho tác giả phải phật lòng, bởi vì

cuốn sách viết ra cho trẻ con ấy lại có thể làm cho thiên hạ tạm quên bao cuốn đã viết ra cho người lớn. Sự thật, trên thế giới này hẳn nói đến Selma Lagerlof, dù không hề nghiên cứu các nền văn học Bắc Âu, ai cũng không khỏi nhớ đến *Truyện cổ Gosta Berlings* và *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils* vì chỉ hai tác phẩm đó cũng đủ làm cho một sự nghiệp văn chương trở nên bất tử rồi.

Giai đoạn sau Nobel: Đây là giai đoạn xuất hiện các bộ tiểu thuyết sử thi.

Năm 1911, bà xuất bản cuốn tiểu thuyết tâm tình *Ngôi nhà của Liliêcrôna* và năm sau đến lượt một tác phẩm lạ lùng *Chiếc xe của Thần Chết* một cuốn tiểu thuyết, một câu chuyện kỳ ảo đầy tính triết lý về ý nghĩa của sự sống và cái chết (sau này được chuyển thể thành bộ phim kinh điển của điện ảnh thế giới).

Tiếp theo là cuốn *Hoàng đế Bồ Đào Nha* và năm 1914 ấy Viện Hàn lâm Vương quốc Thụy Điển bầu Selma Lagerlof làm nữ viện sĩ đầu tiên.

Năm 1915 là sự ra đời của cuốn truyện đậm đà khí vị thần thoại Bắc Âu hơn cả là *Thế giới các yêu lùn*.

Từ năm 1925 đến 1928: Bộ ba tiểu thuyết về dòng họ Lowenskold Bao gồm các cuốn *Chiếc nhẫn nhà Lowenskold*, *Charlotte Lowenskold* và *Anna Sard*. Đây là công trình đồ sộ cuối cùng của bà về lịch sử dòng họ và định mệnh.

Sau cuộc sát sinh khổng lồ là Đại chiến Thế giới thứ nhất với những dư âm khủng khiếp của nó, lại chứng kiến một trận thủy chiến lớn xảy ra ở Bắc Hải năm 1916, và xác những thủy thủ Anh và Đức tấp vào bờ nhiều không đếm xuể, Selma Lagerlof sử dụng ngòi bút hiện thực chủ nghĩa viết lên bản cáo trạng chiến tranh phi nghĩa, và lòng bất bình của tác giả bùng lên trong nhiều trang sách. Con người vốn cung kính đối với năm mồi và nghĩa trang, trân trọng đối với thế giới những kẻ đã khuất ấy rất phần nộ trước những việc xảy ra trong thế giới những người đang sống. “Đã từ lâu, tôi hiểu rằng độc ác đối với những người sống còn nhục nhã hơn xúc phạm đối với một người chết”. Ngay trong lúc chiến sự còn diễn ra thì Selma Lagerlof đã cho xuất bản cuốn *Người đi đày*. Cùng với cuốn *Lửa của Henri Barbusse*, *Người đi đày* đã mở đầu cho loại tiểu

thuyết phản đối chiến tranh. Và lần đầu tiên nữ văn hào bỏ phong cách quen thuộc những từ ba mươi năm của mình, không tìm đề tài trong truyện cổ dân gian, trong lịch sử lâu đời hay ở đất nước xa lạ, mà lấy ngay trong một sự kiện trước mắt.

Tuy say sưa với các yêu lùn, quỷ núi, trong Đại chiến Thế giới thứ nhất, dù đất nước mình ở ngoài vòng lửa đạn, Selma Lagerlof vẫn không quên góp tiếng nói của mình vào những vấn đề nóng bỏng của thời đại và thế là chiến tranh chưa dứt, năm 1918 đã ra đời cuốn tiểu thuyết *Người đi đày*, một bản cáo trạng hùng hồn lên án chiến tranh phi nghĩa, viết với một tấm lòng thiết tha vô hạn.

Giai đoạn cuối đời: Ngoài sáu mươi tuổi, Selma Lagerlof bắt tay viết bộ tự truyện kể lại đời mình, nhan đề có ý nghĩa là *Marbacka* (1922) sau bổ sung thêm hai cuốn *Hồi kí của tôi* (1930) và *Nhật kí* (1932). Tác phẩm lớn trong tuổi già của Selma Lagerlof là tiểu thuyết bộ ba *Sarlôttê Lovenson* (1925-1929) qua những thăng trầm của một gia đình, tác giả minh họa một chủ đề nhân đạo: Lòng thương yêu của con người có thể thắng mọi nỗi bất hạnh trong đời.

Những tác phẩm cuối cùng của Selma Lagerlof là *Anna Xverd* (1928), *Mùa thu* (1933) và *Truyện lễ Giáng sinh* (1938).

Bước vào nghề viết văn, Selma Lagerlof viết một truyện cổ, bắt đầu đêm Giáng sinh năm trước và kết thúc đêm Giáng sinh năm sau, mà tác giả gọi là một saga *Gosta Berlings saga*. Nửa thế kỉ sau, tám mươi tuổi, kết thúc sự nghiệp của mình, nữ văn hào lại viết một cuốn *Truyện lễ Giáng sinh*. Gần hết các tác phẩm của Selma Lagerlof, trong suốt cả cuộc đời viết văn, đều viết theo thể saga (là những truyện kể ra đời ở Thụy Điển từ thế kỷ XI trong đó những tác giả vô danh soạn bằng văn xuôi và những người được gọi là Xcand chuyên kể lại ở các cung đình hay thành lâu của các lãnh chúa. Saga đã là những áng văn nghệ thuật khá tinh vi, nhưng vẫn rất gần văn học dân gian và được nhân dân ưa thích vì thuật lại kì công, vĩ nghiệp của các anh hùng, ca tụng những truyền thống dũng cảm, hi sinh, tự cường, nhân ái của các dân tộc Bắc Âu).

Sinh thời nữ văn hào đã được đồng bào mình rất mực mến yêu: trường hợp tên một nhân vật tiểu thuyết mà được đem đặt cho một tàu biển lớn như chiếc Gosta Berling thật là hân hữu, có lẽ là độc nhất. Mà thế giới cũng hâm mộ không kém: các tác phẩm của Selma Lagerlof đã được dịch ra hơn năm mươi thứ tiếng. Nghệ thuật có tính quần chúng rộng rãi nhất của thế kỉ là điện ảnh, cũng đã đưa *Gosta Berlings*, *Nils Holgersson*, *Charlotte Lowenskold* và *Chiếc xe của Thần Chết* lên màn bạc. Bộ phim sau này với nhan đề *Chiếc xe ma* đã thành tác phẩm kinh điển của nghệ thuật thứ bảy. Và năm 1958, nữ văn hào tiêu biểu của đất nước Thụy Điển đã được Hội đồng Hòa bình Thế giới kỉ niệm một trăm năm ngày sinh. Cũng vào năm mà *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils* ra đời, trường đại học Uppsala, lớn nhất Thụy Điển, phong tác giả học hàm Tiến sĩ danh dự, và hai năm sau, Viện Hàn lâm Vương quốc Thụy Điển thể theo dân ý trao tặng Selma Lagerlof giải Nobel Văn học năm 1909, trong niềm hân hoan của tất cả mọi người, vì đó là nhà văn Thụy Điển đầu tiên, lại là nữ văn hào đầu tiên trên thế giới được giải thưởng ấy. Từ khi có giải thưởng ấy đến nay, một trăm linh bảy năm qua, mới chỉ có chín nữ văn hào, thi hào được vinh dự nhận danh hiệu cao quý đó.

Giải Nobel năm 1909 là một sự ghi nhận xứng đáng cho "chủ nghĩa lý tưởng cao cả" và "trí tưởng tượng sống động" của Selma Lagerlof. Giải thưởng đã mang lại cho bà những điều kỳ diệu. Là người phụ nữ đầu tiên đoạt giải, thành quả của bà đã phủ nhận quan niệm cho rằng văn chương đỉnh cao chỉ thuộc về nam giới. Điều này mở đường cho hàng loạt nữ văn sĩ sau này tự tin theo đuổi sự nghiệp. Hơn thế, tên tuổi bà còn thành một biểu tượng quốc gia, một đại sứ văn hóa. Hình ảnh của bà sau này thậm chí đã được in trên tờ tiền 20 Krona của Thụy Điển, một minh chứng cho sự kính trọng tuyệt đối mà dân tộc dành cho bà.

1.2. Tác phẩm “*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*”

1.2.1. Hoàn cảnh sáng tác

Cuốn tiểu thuyết được ra đời từ một đơn hàng giáo dục đặc biệt. Vào năm 1902 Hiệp hội Giáo viên Quốc gia Thụy Điển đã mời Selma Lagerlof viết

một cuốn sách tập đọc cho học sinh Tiểu học. Mục tiêu là thay thế những cuốn sách giáo khoa cũ kỹ, khô khan, đầy rẫy số đo và dữ liệu bằng một tài liệu học tập thú vị vừa cung cấp kiến thức chính xác, vừa đủ hấp dẫn để giúp trẻ em hiểu biết và yêu thêm quê hương, đất nước mình.

Làm sao để đưa một khối lượng kiến thức khổng lồ về địa hình, động vật, thực vật và phong tục tập quán vào một câu chuyện mà trẻ em không cảm thấy nhàm chán. Đây là thật sự là một thách thức với nhà văn. Dù nhận lời, bà cũng mất vài năm loay hoay không biết nên bắt đầu từ đâu bởi không muốn viết một cuốn giáo khoa đơn thuần.

Mãi đến khi nhớ lại những câu chuyện về các con thú biết nói trong truyện ngụ ngôn, câu chuyện về con ngỗng biết bay trong truyện cổ Grimm, hình ảnh những đàn ngỗng di cư trên bầu trời Marbacka, những câu chuyện bà được nghe kể trong ký ức tuổi thơ và hình ảnh cậu bé tí hon trong dân gian bà mới tìm ra "chìa khóa" cho cuốn sách tương lai của mình. Để tạo ra sợi dây liên kết các vùng miền, bà cần một nhân vật cưỡi ngỗng bay đi khắp mọi nơi, từ đó nhìn ngắm đất nước từ trên cao.

Để thực hiện yêu cầu này và cũng là niềm mong mỏi của chính bà, Selma đã thực hiện một quá trình nghiên cứu rất công phu. Nhà văn đã dành thời gian đi du lịch từ miền Nam (vùng Skane) lên tận vùng cực Bắc (Lapland) để quan sát tận mắt địa hình, cảnh sắc thiên nhiên, tìm hiểu kỹ lưỡng về đời sống động, thực vật, tập tính của các loài chim di cư (đặc biệt là ngỗng trời), các loài động vật hoang dã và hệ thực vật đặc trưng của Thụy Điển, khí hậu, và đời sống sinh hoạt của người dân ở từng vùng miền để mô tả chính xác trong truyện. Bà thu thập các câu chuyện cổ tích, truyền thuyết địa phương và các bài hát dân ca tại mỗi nơi đi qua để lồng ghép vào hành trình của Nils.

Chính sự công phu, nghiêm túc, khoa học và niềm đam mê đó mà thay vì viết một cuốn sách giáo khoa khô khan, Selma đã sáng tạo một tiểu thuyết viễn tưởng kì thú. Cuốn sách được coi là một "cuốn bách khoa toàn thư" sinh động về đất nước và con người Thụy Điển thời bấy giờ bằng cách khéo léo lồng ghép các kiến thức khoa học, tình hình thực tế của đất nước con người vào một

câu chuyện cổ tích hiện đại về cậu bé ngỗ ngược Nils Holgersson bị biến thành tí hon và bắt đầu hành trình dài khắp đất nước trên lưng ngỗng trời.

Khi xuất bản (1906-1907), tác phẩm ngay lập tức gây sốt. Nó thành công đến mức không chỉ học sinh Thụy Điển mà trẻ em khắp thế giới đều mê mẩn. Đây là cuốn sách đầu tiên biến các kiến thức địa lý, lịch sử và văn hóa vốn khó nhớ thành một hành trình đầy cảm xúc. Cuốn sách không chỉ thành công rực rỡ trong trường học mà còn trở thành một kiệt tác văn học thiếu nhi thế giới, góp phần quan trọng giúp Selma trở thành người phụ nữ đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học vào năm 1909.

"*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*" đã được dịch ra khoảng 60 thứ tiếng trên toàn thế giới. Đây là một trong những tác phẩm văn học Thụy Điển được dịch và đọc nhiều nhất mọi thời đại. Tác phẩm vinh dự nằm trong danh sách 100 cuốn sách hay nhất thế kỷ 20 của tờ báo danh tiếng *Le Monde*. Ngoài sách giấy, hành trình của Nils còn được chuyển thể thành nhiều bộ phim điện ảnh, phim hoạt hình (bao gồm loạt phim truyền của Nhật Bản) và loạt truyện tranh tại nhiều quốc gia.

1.2.2. Giá trị nội dung và nghệ thuật

Cuốn tiểu thuyết của Selma Lagerlof không đơn thuần là một tác phẩm văn học thiếu nhi hay một cuốn sách giáo khoa địa lý. Đó là một thực thể nghệ thuật đồ sộ, nơi giao thoa giữa tri thức khoa học, huyền thoại dân gian và triết lý nhân sinh.

1.2.2.1. Giá trị nội dung

Tri thức khoa học tự nhiên, địa lý sống động: Giá trị đầu tiên và trực diện nhất của tác phẩm chính là khối lượng tri thức địa lý và lịch sử, văn hóa khoa học tự nhiên khổng lồ được truyền tải một cách sinh động. Qua hành trình bay của Nils, độc giả được chiêm ngưỡng toàn cảnh Thụy Điển từ miền Nam trù phú đến vùng Bắc Cực khắc nghiệt hoang sơ. Mỗi vùng đất hiện lên với đặc trưng địa hình riêng biệt. Đó thực sự là một bản đồ địa lý sống động từ miền nam Skane, qua các đảo đá độc đáo như Oland, Gotland, đến vùng đài nguyên băng giá Lapland ở cực Bắc, hải đảo và bờ biển, nơi nào cũng ẩn chứa những

tài nguyên thiên nhiên. Đan xen với cảnh sắc thiên nhiên là dòng chảy lịch sử, văn hóa, kiến trúc và quân sự, truyền thuyết về xứ sở, sự hình thành quốc gia. Đặc biệt, cuốn sách còn cung cấp những kiến thức khoa học tự nhiên chính xác, phong phú như tập tính di cư của các loài chim, sự phân hóa của thảm thực vật theo khí hậu, đồng thời gửi gắm thông điệp sớm về sinh thái học và bảo vệ môi trường.

Bài học về sự trưởng thành: *"Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils"* không chỉ đơn thuần là một cuốn sách giáo khoa địa lý được thi vị hóa, mà là một kiệt tác văn học chứa đựng những giá trị nhân văn và nghệ thuật sâu sắc. Giá trị lớn nhất của tác phẩm nằm ở “hành trình giáo dục tâm hồn” của nhân vật Nils. Selma Lagerlof đã minh chứng rằng sự trưởng thành thực sự không đo bằng kích thước cơ thể, mà bằng độ rộng mở của trái tim, ở sự biến đổi bên trong cậu bé Nils. Từ một cậu bé 14 tuổi ngỗ ngược, lười biếng, thích hành hạ động vật, bị biến thành tí hon như một sự trừng phạt, phải phụ thuộc vào đàn ngỗng, Nils thấy sợ hãi khủng khiếp vì mất đi thân phận con người. Cậu buộc phải học cách sinh tồn trong một thế giới mà cậu không còn là kẻ mạnh nhất. Trải qua những thử thách sinh tử cùng đàn ngỗng trời, Nils buộc phải học cách tuân thủ luật lệ của "bầu trời". Nils học được cách lắng nghe và thấu hiểu, cách yêu thương và hy sinh, lòng dũng cảm, sự trung thành tinh thần kỷ luật và đặc biệt là sự đồng cảm với nỗi đau của loài vật. Hơn thế, cậu thấm thía rằng sức mạnh không nằm ở việc thống trị, mà ở việc bảo vệ và sẻ chia. Nhà văn đã thiết lập một mô thức giáo dục mới: giáo dục thông qua sự thấu cảm. Nils trở thành biểu tượng vĩnh cửu của khát vọng tự do và sự hoàn thiện nhân cách con người.

Ý thức bảo tồn giá trị văn hóa của dân tộc: Cuốn sách được các nhà phê bình ví như “một bảo tàng về tâm hồn Thụy Điển”, bởi ở đó mỗi chương sách gắn liền với một truyền thuyết địa phương hoặc một sự tích về các danh lam thắng cảnh, về sự lao động cần cù và những đức tính tốt đẹp của con người của xứ sở này. Thông qua các câu chuyện cổ tích và huyền thoại địa phương lồng ghép trong hành trình, độc giả thấy được đời sống tinh thần phong phú, vừa khoa học vừa đầy chất thơ của con người Thụy Điển. Tất cả đều khơi gợi niềm

tự hào dân tộc và tình yêu quê hương đất nước một cách chân thực, sâu sắc, đề cao việc con người chung sống hòa bình với thiên nhiên, phê phán sự tàn phá môi trường và sự vô tâm của con người đối với các loài sinh vật khác. Tác phẩm đồng thời khẳng định con người và thiên nhiên là một cộng đồng gắn kết, con người sống nhờ thiên nhiên nên phải tôn trọng và bảo vệ mọi sự sống trên Trái Đất này.

1.2.2.2. Giá trị nghệ thuật

Nghệ thuật của cuốn tiểu thuyết này được coi là một cuộc cách mạng trong văn học thiếu nhi thời bấy giờ, giúp Selma Lagerlof khẳng định vị thế của một bậc thầy kể chuyện. Những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện trên các phương diện:

Góc nhìn độc đáo: Bằng cách để Nils cưỡi ngỗng, tác giả tạo ra một góc quan sát "toàn cảnh" cực kỳ mới lạ. Góc nhìn bao quát đất nước Thụy Điển một cách toàn diện nhất. Góc nhìn đặc biệt có thể cùng lúc vừa soi chiếu nét cụ thể, chi tiết nhất về cảnh quan, con người vừa giúp cho không gian địa lý trở nên hùng vĩ và đầy chất thơ.

Kết cấu “truyện trong truyện”: Cuốn sách gồm 42 chương, hơn 500 trang có một kết cấu khá đặc biệt. Selma Lagerlof đã xây dựng một cuốn truyện dài bằng nhiều truyện ngắn ghép lại rất mạch lạc, thành một khối thống nhất toàn vẹn, nhưng mỗi truyện ngắn lại là một tác phẩm hoàn chỉnh, có thể tách ra khỏi cuốn sách mà tồn tại độc lập được và mỗi truyện ngắn là một saga thú vị.

Trên hành trình của Nils, tác giả liên tục chèn vào các truyện ngắn, truyền thuyết dân gian, ngụ ngôn. Lối dẫn dắt này tạo nên sự phong phú về nhịp điệu, khiến độc giả luôn cảm thấy tò mò và không bị nhàm chán dù cuốn sách có dung lượng khá lớn. Selma Lagerlof không chỉ kể chuyện về Nils mà còn đan cài rất nhiều nội dung khác: Những sự tích dân gian, câu chuyện về các vị thần hay nguồn gốc của các địa danh, những mẫu chuyện về đời sống của các loài động vật tạo nên một hệ sinh thái sống động như một xã hội thu nhỏ.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và huyền ảo: Tác giả sử dụng bút pháp hiện thực huyền ảo xuyên suốt tác phẩm. Những dữ liệu chính xác về

tọa độ địa lý, kiến thức về lịch sử, văn hóa, đặc điểm kinh tế của từng vùng miền thường được lồng ghép trong một cốt truyện cổ tích.

Nils nhìn thấy những thành phố thực, những con sông thực của Thụy Điển từ trên cao, nhưng đồng thời cậu cũng gặp những con vật biết nói, những vị thần rừng, những đèn đài, thành quách và cả những linh hồn. Lagerlof có cái tài lạ lùng là chỉ lấy những sự việc rất bình thường mà xây dựng thành những truyện thật thần tiên, mộng ảo. Các bài liệt kê khô khan đã thành ra những truyện thần thoại lí thú tuyệt vời như vậy. Các truyện kể lại, có cái là Lagerlof lấy truyện cổ dân gian, sự tích các địa phương, truyền thuyết các thời đại cổ tích, truyền thuyết nhưng phần lớn là do Selma hư cấu ra, và hư cấu trên cơ sở khoa học, kết hợp những kiến thức cụ thể, vững vàng với những mơ tưởng kỳ diệu, khác với truyền thuyết dân gian thường là nặng tính hoang đường và còn nhiều mê tín. Bà viết lại thành những thứ “cổ sự tân biên” nhưng dễ cho hay hơn, nghệ thuật hơn, không có dụng ý gì hiện đại hóa.

Sự đan xen này khiến những kiến thức khô khan trở nên mềm mại, giúp người đọc tiếp nhận thông tin một cách tự nhiên qua trí tưởng tượng. Cách kể chuyện nhẹ nhàng, thân mật, dí dỏm và uyển chuyển ấy với những lời giản dị nhưng thấm thía khiến kiến thức về đất nước trở nên sống động, dễ đi vào lòng người hơn bất kỳ cuốn sách địa lý nào.

Ngôn ngữ giàu nhạc điệu và hình ảnh: Selma Lagerlof đã chứng minh tài năng bậc thầy của mình bằng một kiểu ngôn ngữ vô cùng uyển chuyển vừa giàu nhạc điệu, vừa tràn ngập hình ảnh để vẽ nên bức tranh thiên nhiên, con người Thụy Điển sống động. Chất nhạc trong ngôn ngữ nghệ thuật của bà được gọi lên từ nhịp điệu chuyển động linh hoạt của câu chữ, mô phỏng nhịp đập cánh của đàn ngỗng trời trong nhiều không gian, tiếng gió thổi qua rừng sồi hay tiếng sóng vỗ vách đá, tiếng gọi nhau của các loài chim giữa bầu trời đến lời hát du dương của thổ dân trên cao nguyên. Không chỉ giàu chất nhạc, ngôn ngữ của Selma Lagerlof còn đậm chất họa qua khả năng dựng hình ảnh, chân dung từ loài vật đến con người. Bà đã vận dụng một trí tưởng tượng sáng tạo phong phú cùng khả năng quan sát tinh tế, tưởng như cầm bút là vẽ ra ngay được nào

người, nào vật, nào cây cỏ, núi sông, và tấc khắc đưa tất cả lên sân khấu diễn đủ các tấn trò đời, trải đủ các cảnh ngộ, các tình huống. Các nhân vật đều rất linh hoạt, từ hình thù, diện mạo, cử chỉ cho đến ý nghĩ, tình cảm, lời nói. Mà nhân vật thì đủ hạng người, từ quốc vương đương triều đến người thợ mỏ tự hào về nghề nghiệp vất vả, kẻ chăn nuôi thiết tha với quê hương bản bạc, bà chủ trại trẻ đẹp, phúc hậu cho con đại bàng cái bánh, bà nông dân già suốt đời cặm cùi nuôi hết con đến cháu cho khôn lớn để họ ra đi bỏ đất, bỏ nước, những đứa bé chăn ngỗng cương nghị không thua gì người lớn.

Chính sự hòa quyện hoàn hảo giữa âm thanh và hình ảnh này đã cuốn hút độc giả nhỏ tuổi vào chuyến hành trình kỳ thú, đồng thời khơi dậy ở trẻ em tình yêu quê hương sâu sắc và ý thức giữ gìn sự giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc.

Kết luận chương 1

Trong tiến trình vận động của văn học hiện đại Bắc Âu, Selma Lagerlof không chỉ hiện diện với tư cách một văn sĩ bậc thầy mà còn là một nhà tư tưởng lớn. Bắt đầu từ những chất liệu huyền thoại và thi pháp dân gian đặc thù của vùng Scandinavia, di sản văn chương của bà đã vượt thoát khỏi ranh giới địa lý, chính trị để chạm đến những giá trị phổ quát của nhân loại. Cuộc đời và sự nghiệp của Lagerlof là một chỉnh thể thống nhất giữa bút pháp lãng mạn tâm lý và ý thức trách nhiệm xã hội sâu sắc. Việc bà sẵn sàng khước từ những giá trị vật chất để cứu trợ nhân đạo và đấu tranh không khoan nhượng cho quyền lợi chính đáng của con người chính là minh chứng cho một nhân cách văn hóa lớn, nơi cái đẹp luôn song hành cùng cái Thiện. Giải Nobel Văn chương được trao tặng cho bà chính là sự suy tôn đúng đắn và thuyết phục của hội đồng chuyên môn uy tín trên thế giới về đóng góp toàn diện đó.

"Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils", một trong nhiều tác phẩm xuất sắc của Selma, là kết quả của quá trình sáng tác nghiêm túc, đầy đam mê đã đem lại những giá trị văn học, văn hóa sâu sắc cho nhân loại trong cả hiện tại và tương lai. Đó là một hệ giá trị vĩnh cửu về sự bao dung và tinh thần cộng sinh bền vững. Vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia và một thời đại, tác phẩm đã thành công trong việc đánh thức tình yêu quê hương và ý thức sinh thái trong lòng hàng triệu độc giả. Đối với văn học thế giới, đây là một minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của văn chương có thể biến những kiến thức khô khan nhất thành nguồn cảm hứng bất tận để nuôi dưỡng tâm hồn con người. Đúng như nhận định của nhà văn Hermann Hesse (chủ nhân giải Nobel Văn học năm 1946): *"Cuốn sách của Selma Lagerlof là một trong những tác phẩm hiếm hoi mà người ta có thể đọc đi đọc lại ở mọi lứa tuổi. Bà đã làm được một việc phi thường: biến một vùng đất cụ thể thành một thiên đường của trí tưởng tượng cho toàn nhân loại."*

Chương 2

VẺ ĐẸP CỦA ĐẤT NƯỚC THỤY ĐIỂN TRONG TIỂU THUYẾT “CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA NILS”

2.1. Vẻ đẹp thiên nhiên

Thông qua chặng đường bay từ Nam ra Bắc của cậu bé tí hon Nils trên lưng chim ngỗng trời, cấu trúc địa hình đa dạng của quốc gia Bắc Âu này đã hiện lên vô cùng sống động. Đó là sự chuyển dịch từ vùng đồng bằng Skane phẳng lặng ở cực Nam đến tận cùng biên giới phía Bắc. Đi lên phía bắc thì qua các tỉnh đồng bằng, duyên hải và hải đảo bên phía đông, trở xuống phía nam thì qua các tỉnh đồi núi, cao nguyên băng tích trên phía tây, qua hết hai mươi lăm tỉnh của đất nước Thụy Điển. Đây chính là những nét phác họa chính xác và đầy ấn tượng về sự giàu có và đa dạng của tự nhiên trên xứ sở này.

2.1.1. Cấu trúc địa hình đa dạng

2.1.1.1. Vùng đồng bằng phía Nam

Đây là điểm xuất phát trong hành trình của Nils và cũng là vùng đất đầu tiên nhà văn giới thiệu cùng bạn đọc. Khác với sự hiểm trở của phương Bắc, Skane hiền hòa với những dải đất bằng phẳng, đất đai màu mỡ và là vựa lúa lớn nhất nước. Vùng Skane, quê hương của Nils, hiện lên với vẻ đẹp thanh bình và trù phú, được miêu tả qua những hình ảnh, chi tiết rất đặc trưng.

Sự bằng phẳng tuyệt đối của địa hình nơi đây được chứng thực một cách trực quan qua đôi mắt kinh ngạc của Nils: *“Chỉ toàn những ô vuông, có những ô hẹp và dài, vài ô nằm chéo, nhưng chú thấy nhiều nhất là những góc vuông và những bờ thẳng. Chẳng có cái gì tròn cả, chẳng có một đường cong nào”* [4, tr.22] chỉ thấy mặt đất trải dài tận chân trời như một *“tám kẻ ô to tướng”* hay một *“bàn cờ khổng lồ”*. Và ở đó chính là đồng bằng với cỏ và ruộng vườn. Nhà văn hóm hỉnh mượn lời của Thánh Phêrô khi nhận xét về tỉnh Skane *“Phải thú thật rằng chỉ còn biết ca tụng nữa mà thôi. Đây là một miền phì nhiêu, dễ trồng trọt, đồng bằng trải rộng khắp bốn phía và chỉ có ít hay gần như không có núi. Rõ ràng là Chúa đã muốn làm cho xứ này dễ chịu đối với con người”* [4, tr.191].

Chính lớp băng dày hàng nghìn mét di chuyển từ phía Bắc xuống đã hoạt động như một chiếc "máy ủi" khổng lồ. Chúng bào mòn các đỉnh núi đá gồ ghề của Skane cổ đại, nghiền nát đá thành bột mịn và san phẳng địa hình để tạo nên các đồng bằng lượn sóng thoải thoải ngày nay. Khi băng tan, chúng để lại một lớp trầm tích sông băng cực kỳ phong phú bao gồm đất sét pha cát, đá phấn và khoáng chất. Đây chính là nền tảng cốt lõi tạo ra loại đất nông nghiệp có độ phì nhiêu bậc nhất Bắc Âu. Quá trình rút lui của các dòng sông băng đã tích tụ bùn đất và đá vụn lại thành các dải đồi, gò đồng tự nhiên. Cấu trúc này tạo nên nét gợn sóng đặc trưng cho đồng bằng Skane chứ không làm nó bị phẳng lì đơn điệu.

Do địa hình thấp và bằng phẳng, hệ thống sông ngòi ở miền nam Skane không chảy xiết hay tạo thác ghềnh cuộn cuộn như ở miền Bắc Thụy Điển. Sông ngòi tại đây êm đềm, uốn lượn chậm rãi qua các thung lũng nông, đóng vai trò là mạng lưới thủy lợi tự nhiên cung cấp nước cho toàn bộ vùng nông nghiệp. Khu vực này cũng sở hữu những hồ nước nông, xung quanh được bao bọc bởi những cánh đồng cỏ xanh mướt và những ngôi làng cổ kính mang đậm kiến trúc Đan Mạch cổ.

Nằm ở trung tâm vùng Skane là hồ Vombsjon rộng lớn cung cấp không gian an toàn cho các loài chim di cư. Nền địa hình đồng bằng thấp này mang tính chất hiền hòa, giúp con người dễ dàng quy hoạch đất đai canh tác quy củ. Hệ thống đầm lầy nông và các ao hồ tích nước, lớp đất trầm tích mịn màng không có đá sỏi đã biến Skane thành "vựa lúa" thịnh vượng, nơi có những ngôi nhà mái tranh âm cúng, những cối xay gió đứng sừng sững trên gò đất thấp và những kho ngũ cốc đầy ắp tại quê hương West Vemmenhog của Nils.

Ở đây có hàng loạt nhà thờ gạch đỏ, những cối xay gió đứng sừng sững trên gò đất thấp và những đồn điền, lâu đài cổ của giới quý tộc nằm san sát nhau. Việc con người có thể xây dựng các nông trại lớn và các công trình kiến trúc san sát là nhờ nền đất đồng bằng ổn định, màu mỡ, mang đặc trưng của một vùng địa hình có lịch sử định cư lâu đời và phát triển nhất Thụy Điển.

Mặc dù nổi tiếng với đồng bằng, miền nam và trung tâm Skane lại được chia cắt một cách ngoạn mục bởi các dãy đồi đá tuyến tính tách biệt được hình thành từ các hoạt động đứt gãy kiến tạo địa chất chấn động trong quá khứ. Các đồi đá như Soderasen, Romeleasen hay Linderodsosen đột ngột nhô lên giữa vùng đồng bằng bằng phẳng. Đặc biệt nhất có lẽ là quả núi thấp Kullaberg: *“Không tựa trên mặt đất như bao nhiêu núi khác xung quanh có đồng bằng và thung lũng mà ngoài ra biển xa thật hết mức. Chẳng có lấy một dải đất nào trải ra dưới chân núi để bảo vệ núi chống lại sóng biển”* [4,tr.87]. Sự xuất hiện của các dải đồi đá này mang lại sự tương phản thị giác mạnh mẽ: Trong khi vùng trũng là ruộng đồng nông nghiệp, thì trên các đỉnh đồi lại là những khu rừng sỏi cổ thụ, rậm rạp và huyền ảo.

Địa hình miền nam Skane là sự hòa quyện tuyệt vời giữa sự bằng phẳng phóng khoáng của đồng bằng châu thổ và nét uốn lượn mềm mại của các bờ biển lộng gió. Đây không chỉ là vùng đất có ý nghĩa kinh tế chiến lược đối với Thụy Điển mà còn là cảnh quan biểu tượng, khơi nguồn cảm hứng cho rất nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật kinh điển của thế giới.

2.1.1.2. Vùng cao nguyên, rừng rậm và hồ nước ở miền Trung

Tại vùng cao nguyên Smaland, sự hiền hòa của đồng bằng nhường chỗ cho vẻ hoang sơ, gồ ghề. Chúng như một vùng đất bị bỏ rơi so với Skane vốn được tạo hóa ưu ái. Smaland hiện lên với địa hình khắp khênh, đầy đá sỏi, đầm lầy và những khu rừng rậm.

Nhìn từ trên cao, Smaland không còn là bàn cờ vuông vức mà hiện lên như *“một thảm lớn len dẹt, màu nâu đen và màu lục...tất cả bị móc rách”* [4, tr.202]. Hình ảnh ẩn dụ đặc sắc này phản ánh một địa hình cao nguyên bị chia cắt mạnh bởi các đứt gãy địa chất, những vách đá tai mèo và các thung lũng sâu hoắm: *“Tất cả thảm lớn kia là mặt đất phủ những khu rừng, những chỗ thủng và chỗ rách là những hồ và đầm lầy”* [4, tr.202]. Đó là một vùng đất gồ ghề, nơi những viên đá khổng lồ nằm rải rác khắp nơi như thể ai đó đã ném chúng xuống một cách lộn xộn. Thay vì đất sét mịn, mặt đất Smaland ngập tràn *“đá mờ côỉ xám xịt”* di tích của thời kỳ băng hà cổ đại khiến vùng đất này trở

nên lờm chờm khó canh tác “Ở những chỗ thuận lợi nhất, một lớp đất sét và cát thô lẫn cuội sỏi phủ lên đá khối, nhưng người ta cũng thấy rằng đất mà bạc đến thế thì chẳng sinh ra cái gì khác ngoài những cây bách tán, thách thảo và rêu...Cái tệ nhất là nước phân phối rất bậy, vài mạn thì thừa thãi, những nơi khác thì chẳng có chút nào, đến nỗi nhiều cánh đồng mênh mông chỉ là những truông cát khô cằn, hơi tí là gió cát và bụi bốc xoáy lên thành cơn lốc” [4, tr.192].

Đây là vùng đất nội địa nghèo khó, hoang dã và căn cỗi của Smaland vào thời điểm đó: “Những trảng cát khô cằn, những mỏm đá trơ trụi và những đầm lầy mênh mông” [4, tr.195]. Địa hình đặc trưng bởi các vùng đầm lầy than bùn tối tăm và những cánh rừng “Phủ kín những đại thụ hùng tráng...sồi và bồ đề mọc trong những thung lũng, phong và trăn trên các bờ hồ, thông trên những sườn cheo leo và bách thì ở khắp nơi...Rừng là một sào huyệt tuyệt vời của dã thú...âm u và hung dữ, hoang vu và lừa lọc, gai nhọn và chẳng chết” [4, tr.287]. Chỉ có ngọn núi đá Taberg, ngọn núi mà nhà văn gọi là "Gã khổng lồ đen" của Smaland, ngọn núi mang một sắc đen bóng của kim loại thô ráp và huyền bí, đột ngột dựng đứng giữa rừng xanh là thực sự đáng giá. Xung quanh nó chỉ có tiếng gió rít và những bầy chim hoang dã. Sườn núi Taberg đổ dốc xuống dưới khiến địa hình đột ngột hạ thấp thành thung lũng Huskvarna sâu thẳm. Tại đây, những dòng thác nước đổ dốc từ núi đá xuống hồ lớn chính là dòng người thủy năng lớn để vận hành các nhà máy dệt, nhà máy sản xuất vũ khí và cơ khí của Thụy Điển sau này.

Địa hình Smaland phổ biến là những dải cao nguyên đá với những bức tường đá biến thể, nơi những người nông dân cúi rạp lưng dọn đá trên sườn đồi: “Họ bóc tách từng tảng đá mồ côi xám xịt từ thời băng hà ra khỏi lòng đất, xếp chúng thành những hàng rào lũy đá dài vô tận chạy dọc theo các con đường để lấy chỗ trồng trọt”, nhiều đồi núi trập trùng xen kẽ với những khu rừng lá kim ngút ngàn, các dòng sông chảy xiết và hàng nghìn hồ nước lớn nhỏ. Trong đó có hồ Vattern nơi được xem là "biên nội địa" của miền Trung, hồ nước lớn thứ hai của Thụy Điển “Ở đấy. Đất đai tựa hồ được sắp đặt một cách âu yếm và

chăm chút hết sức. Khắp nơi những ngọn núi đẹp, những thung lũng dịu dàng và những dòng sông uốn lượn chảy đến tận hồ lớn Vattern” [4, tr.234]. Vattern được miêu tả là một hồ nước khổng lồ, dài và hẹp, sâu thẳm với làn nước trong vắt nhưng vô cùng lạnh lẽo. Tác giả ví hồ nước này như một chiếc gương dài phản chiếu bầu trời, nhưng cũng đầy nguy hiểm với những trận gió độc đột ngột thổi qua các vách đá bao quanh, gây ra những đợt sóng lớn không khác gì biển cả. Đây là minh chứng cho kiểu địa hình lòng chảo kiến tạo sau kỷ băng hà của miền Trung.

Hình sông, dáng núi của nơi này luôn độc đáo như đang bước ra từ truyền thuyết. Đây là đảo Oland, một khối đá vôi dài trong như hình một con bướm cắt cánh, đã hóa thạch khi ngâm mình trong nước biển. Đảo Visingsö đại diện cho kiểu địa hình đảo lòng hồ, nơi có tiểu khí hậu ôn hòa hơn xung quanh, cho phép những cánh rừng sồi phát triển tươi tốt giữa vùng cao nguyên lạnh giá. Đây là hệ thống thủy văn kỳ vĩ của dòng sông Klarälven là lỗ địa ngục, là trắng cát “*rộng đến mức đứng đầu này không trông thấy đầu kia...*” [4, tr.196]. Đan xen giữa chúng là các khu rừng rậm rạp và thung lũng hẹp. Những nơi vốn chỉ thích hợp với cảm giác mạo hiểm được ngắm nhìn sự dữ dội của tự nhiên của con người hơn là canh tác phục vụ đời sống. Tuy nhiên địa hình bán sơn địa hiểm trở lại là nơi đem lại sự giàu có về tài nguyên lâm, ngư nghiệp của Thụy Điển.

2.1.1.3. Địa hình bờ biển, quần đảo và các hòn đảo đá phía Đông và Tây

Bên cạnh những đồng bằng trù phú và cao nguyên nội địa, cấu trúc địa lý Thụy Điển còn đặc biệt hơn nữa bằng địa hình bờ biển, quần đảo và các đảo đá kỳ vĩ ở hai phía Đông - Tây. Đất nước Thụy Điển là một khối đá hoa cương vào hạng cổ nhất, xuất hiện từ những thời đầu tiên của lịch sử địa cầu và đã bị xói mòn hàng trăm triệu năm, rồi sau cùng bị băng phủ lên dày hàng nghìn mét trong hàng chục vạn năm, bào mòn dữ dội nữa nên phần lớn hiện nay là những cao nguyên đá hoa cương, những bờ biển khúc khuỷu mang đầy dấu vết xâm thực của băng, chín vạn sáu nghìn cái hồ chiếm chín phần trăm diện tích toàn

quốc, gần bảy nghìn rưỡi kilômét bờ biển chỉ chút những đầm phá và mười lăm vạn hòn đảo nhỏ.

Bờ biển phía Đông như là thế giới của những đảo đá vôi phẳng và huyền thoại cổ xưa. Chúng kết thành một hệ thống quần đảo dày đặc nổi lên giữa mặt biển với hình dạng và tính chất khác nhau. Đảo Oland có hình của con bướm không lò bị mất đôi cánh và bị hóa đá khi đang bay trên biển *“Con bướm vừa thành ra một khối đá vôi thì rất nhiều hạt giống cỏ cây bị gió thổi đến đã thử bắt rễ xuống đây...Nhưng mãi đến nay, ở đây, trên cao nguyên này, vẫn không đủ cây cối để che phủ kín hết được khối đá, vì đá lộ ra khắp nơi”* [4, tr.153]. Đảo Gotland lại là một *“khối đá duy nhất và đồ sộ”* [4, tr. 167], hòn đảo đá vôi lớn nhất Thụy Điển với các cột đá tự nhiên bị sóng biển bào mòn thành những hình thù kỳ dị. Nơi đây gắn liền với chương truyện huyền thoại về Vineta, thành phố chìm dưới đáy biển *“thành phố cổ đó giàu có và sung sướng đến mức chưa bao giờ có đô thị nào lộng lẫy bằng”* [4, tr.181] nhưng thật không may *“Cư dân trong thành đã lao mình vào cảnh xa hoa, kiêu bạc”* [4, tr.181] nên bị nhấn chìm. Sau này, cứ mỗi 100 năm, trong một đêm, thành phố lại nổi lên khỏi mặt nước trong một giờ đồng hồ với tất cả vẻ huy hoàng. Nils đã nhìn thấy những bức tường thành, mái vòm tráng lệ bằng đá của Vineta nhô lên giữa làn sóng biển Baltic trước khi nó lại tan biến vào lòng biển sâu. Ngược lại *“thành phố sống”* đầy biến ảo *“vừa giống thành phố từ biển hiện lên vừa rất khác. Khác nhau như giữa một con người mà ta trông thấy một ngày nọ mặc toàn màu đỏ thắm và đeo dây đồ trang sức, rồi ngay hôm sau gặp lại thì rách rưới, trần trụi”* [4, tr.185]. Nhưng ở Bleikinge thì lại khác hẳn *“Đất rải rác ra thành đảo lớn, đảo nhỏ, và mũi đá, và biển, len lỏi vào giữa những thứ ấy, làm thành vịnh, thành vũng và thành eo biển, tựa hồ đất và biển gặp nhau trong cảnh hòa hợp và hoan hỉ”* [4, tr.116]. Và ở Karlskrona, nằm trên bờ biển Baltic trong đêm lại ánh lên vẻ hư ảo, huyền hoặc: *“Mặt biển trắng như sữa. Nhìn xa tới đâu cũng thấy cuộn cuộn những sóng nhỏ bạc đầu. ở giữa tất cả các màu trắng ấy, những hòn đảo rất đông, đứng trước bờ biển, tựa hồ màu đen”* [4, tr.120]. Đây cũng

là nơi tọa lạc của cảng quân sự Karlskrona, nơi các tàu chiến Thụy Điển neo đậu, ẩn nấp an toàn sau các rặng đá tự nhiên.

Bờ biển phía Tây còn có quần đảo Skargard, nơi hội tụ của hàng ngàn hòn đảo đá nhỏ nhô lên khỏi mặt nước như những chiếc lưng cá khổng lồ. Từ trên cao, Nils nhìn thấy một "mê cung" bằng đá và nước, nơi những con sóng bạc đầu vỗ vào những ghềnh đá xám xịt.

Ngược lại, nơi có những ngọn núi thấp, gió biển có thể thổi lồng lộng từ mọi hướng. *“Chẳng có lấy một dải đất nào trải ra dưới chân núi để bảo vệ núi chống lại sóng biển. Những sóng ấy vỗ vào vách núi, và tha hồ xói mòn những vách ấy, tạo ra những hình dáng theo ý thích của chúng. Bởi vậy, các vách núi cứ đứng đó để cho biển và kẻ trợ lực của biển là gió, đẽo đục và chạm trổ...”*, [4, tr.87] và biến thành vô vàn những cột đá con. Chúng đứng đó, khi thì tro troi nhô lên khỏi mặt nước, khi thì vĩnh viễn đứng lặng yên soi mình trong làn nước màu lục pha lam, lúc lại như một mái vòm mở ra trên mặt nước. Chính những vách núi tuyệt vời ấy với màu nước biển xanh bao la ở bên dưới và không khí lạnh buốt rục rờ ở bên trên đã khiến nơi này trở thành một địa hình thân thiết với cả con người và các loài động vật.

Nét đặc sắc đầu tiên của địa hình bờ biển phía Tây Thụy Điển chính là cấu trúc quần đảo đá độc nhất vô nhị với hàng vạn hòn đảo nhỏ, chúng không nằm cô độc mà kết nối với nhau như *“những chuỗi ngọc trai thả trôi trên mặt nước”*, *“Từ trên cao nhìn xuống, quần đảo Skargard hiện ra như những chuỗi ngọc trai, những mảnh vụn đá granite khổng lồ bị vứt tung tóe trên mặt biển Baltic xanh thẫm”*. Chúng bao quanh Stockholm, có lẽ vì thế mà người dân Thụy Điển còn gọi thành phố này là “thành phố bơi trên mặt nước”. Nils đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy một thành phố không nằm trên đất liền vững chãi mà như đang trôi lững lờ trên những hòn đảo, như một nàng tiên cá xinh đẹp đang tựa mình vào những tảng đá ven biển Baltic.

Bờ biển phía Tây ngược với phía đông là vùng đất của đá granite xám và những vịnh hẹp hiểm trở. Nổi bật là vùng Tjust nơi đất biển giao thoa, nằm ở phía đông bắc Smaland. Tác giả ví Tjust giống như một người *“không thể tự*

quyết định mình muốn làm đất liền hay làm biển được" [4, tr.188]. Khắp nơi, các lạch biển sâu, hẹp và dài ăn sâu vào nội địa, cắt đất thành hàng trăm vịnh hẹp tạo ra vô số hòn đảo, bán đảo và các mũi đất chên vênh: *"Biển là kẻ hay lén vào chỗ không phải của mình, mà chỉ có đồi và núi mới có thể chống lại nổi, còn đất thấp thì đều đã biến mất dưới làn nước cả"* [4, tr.188]. Chỉ có những ngọn đồi núi đá kiên cường mới nhô lên được khỏi mặt nước dữ dội của biển Baltic. Hình ảnh ẩn dụ này phản ánh một thực tế địa chất độc đáo: Đó là những đỉnh núi đá granite cổ xưa bị nhấn chìm sau kỷ băng hà, giờ đây nhô lên tạo thành một mê cung đá kỳ vĩ trên biển Baltic. Địa hình quần đảo này có tính chất che chắn gió bão, tạo nên những luồng lạch êm đềm sâu bên trong nhưng lại vô cùng hiểm trở với những rặng đá ngầm sắc nhọn phía ngoài khơi.

Sự đa dạng của địa hình biển tiếp tục được cụ thể hóa thông qua những hòn đảo lớn có cấu trúc địa chất riêng biệt, tiêu biểu là đảo Oland. Hòn đảo này như một chiếc bánh mì dẹt làm bằng đá vôi nổi bồng bênh. Một mặt đảo là những vách đá dựng đứng, xám xịt đối mặt với sóng biển, mặt kia sà xuống thấp sát mực nước nổi bật với những vách đá dựng đứng ở một phía để chắn sóng và thoải dần ở phía còn lại. *"Các đợt sóng lớn bị vô số những hòn đảo cắt ra, và đến lượt các đảo ấy chưa kịp to cao lên thì biển đã đòi lại quyền của mình"* [4, tr.268].

Khác với nền đá granite cứng cáp của đất liền, chất liệu đá vôi dễ bị nước biển bào mòn đã tạo nên những hình thù kỳ dị, những hang động tối tăm, sâu hoắm tại bờ biển Karlsoar. Đây chính là những "chung cư đại dương" – thánh địa an toàn cho hàng vạn loài chim biển như chim hải âu, chim rụt cổ làm tổ.

Trong khi bờ biển phía Đông mang vẻ mềm mại của những chuỗi đảo ngọc, thì địa hình bờ biển phía Tây lại hiện lên với sự khốc liệt của các vịnh hẹp và rặng đá trần trụi. Gió Tây lồng lộng từ Biển Bắc đã mài mòn các khối đá granite thành những gò lưng nhẵn thín, bạc màu muối biển, nơi cây cối không thể bám rễ mà chỉ có rêu và các làng chài của con người nương tựa vào các vách đá để sinh tồn. Trên những bãi biển cát trắng mịn trải dài, hoang sơ,

gió biển liên tục thổi vào đất liền đã đắp lên những cồn cát tự nhiên rộng lớn, bảo vệ vùng đồng bằng nội địa khỏi sự xâm thực của sóng biển.

Ở góc phía đông nam vùng Osterlen địa hình dịch chuyển thành các vách đá dựng đứng lao thẳng xuống biển. Nổi tiếng nhất là vách đá nơi tọa lạc di tích Ale's Stones, một cấu trúc cự thạch xếp hình chiếc thuyền huyền thoại của người Viking, ngự trị trên đỉnh đồi lộng gió nhìn ra biển Baltic. Tại những vùng như đảo Oland hay Gotland, bờ biển được kiến tạo bởi những vách đá vôi cao vút và kỳ lạ. Chúng đứng sừng sững như những gã khổng lồ bằng đá canh giữ biển khơi, tạo nên vẻ đẹp vừa hùng vĩ vừa cô độc.

Bằng cách cho đàn ngỗng bay dọc theo các đường bờ biển Đông - Tây, Selma Lagerof đã hoàn thiện bức tranh địa lý toàn cảnh về một quốc gia hướng biển. Địa hình bờ biển và quần đảo trong tác phẩm không chỉ là ranh giới tự nhiên, mà còn là biểu tượng cho sự giao thoa giữa đất và nước, nơi nuôi dưỡng ngành hàng hải và tình yêu tự do phóng khoáng trong tâm hồn mỗi người dân Thụy Điển đầu thế kỷ 20.

2.1.1.4. Vùng núi cao, thung lũng băng giá, vùng đài nguyên ở phía Bắc.

Đây là điểm đến cuối cùng của Nils và đàn ngỗng. Vùng Lapland là điểm đến xa nhất và cũng là nơi có cảnh sắc thiên nhiên kỳ ảo, choáng ngợp nhất trong hành trình của Nils. Tác giả đã miêu tả nơi này như một thế giới hoàn toàn khác biệt. Lapland là vùng xa xôi của Thụy Điển được ví như thế giới của băng tuyết và đá lâu đời với địa hình cực kỳ hùng vĩ: những dãy núi cao phủ tuyết, lãnh nguyên bao la và hiện tượng "mặt trời nửa đêm" đầy huyền ảo.

Vùng đài nguyên và núi cao Lapland ở cực Bắc Thụy Điển chính là khúc vĩ thanh tráng lệ, hoang sơ và thách thức nhất trong hành trình của Nils. Khác biệt hoàn toàn với những đồng bằng mượt mà ở miền Nam hay các mê cung đảo đá ở miền Trung, đài nguyên Lapland hiện lên trong tác phẩm giống như một hành tinh hoàn toàn khác. Nơi ranh giới giữa mặt đất, băng giá và bầu trời bị xóa nhòa. *“Mặt đất mênh mang trắng xóa một màu... Trong thung lũng giữa cao nguyên băng tích thật là khổ. Mưa, bão, mù cứ kế tiếp nhau không ngớt... Có một ngày trời quang thì tức khắc nước đóng băng”* [4, tr.454]. Nằm ở phía Tây

của Lapland là một phần của dãy núi Scandes, nơi có ngọn núi cao nhất Thụy Điển, Kebnekaise, nơi được ví như thế giới của băng và đá lâu đời. Địa hình đặc trưng bởi các đỉnh núi quanh năm tuyết phủ, các dòng sông băng vĩnh cửu, những thung lũng sâu hoắm và vùng đài nguyên trơ trọi, khắc nghiệt nhưng vô cùng hùng vĩ.

Địa hình vùng này bị cắt xẻ bạo liệt. Núi non ở đây không thoải mà dựng đứng thành những vách đá Granite khổng lồ, những đỉnh núi nhọn hoắt cô độc lao thẳng lên trời xanh. Xen kẽ giữa các đỉnh núi là những thung lũng hình chữ U sâu thẳm được khoét sâu bởi các dòng sông băng cổ đại, tạo nên một cấu trúc không gian ba chiều vừa sâu hun hút vừa cao vời vợi.

Ở vùng đài nguyên hoang vu, đất đóng băng vĩnh cửu. Bên dưới lớp đất bề mặt là tầng băng giá dày hàng trăm mét. Do hiện tượng đóng băng và tan băng lặp đi lặp lại qua hàng ngàn năm, đất đai bị đẩy trôi lên, tạo thành những dải đá cuội lộ thiên, những vĩa đá xám xịt và những gò đất nhỏ nhấp nhô trải dài tận chân trời. Do địa hình hoàn toàn trống trải và không có những cánh rừng rậm che chắn *“núi dựng lên trọc lóc và hoang vu khủng khiếp”* [4, tr.415]. Đài nguyên là nơi những cơn gió Bắc Cực thổi quét tự do với sức mạnh ghê người, cuốn theo cát đá bụi và tuyết mù trời: *“Núi bị tất cả mọi thứ gió quét đến, chẳng mấy chốc mà lộ cả bộ xương bằng đá ra...Núi đã thành trần trụi và trọc lóc, đến mức người ta có thể tin rằng nó sẽ cứ như vậy cho đến tận thế”* [4, tr.416]. Selma Lagerlof miêu tả những trận cuồng phong này như những con quái vật vô hình gầm rú qua các hẻm núi có thể dễ dàng thổi bạt cả một đàn ngỗng trời dày dạn kinh nghiệm nếu chúng mất cảnh giác.

Hàng ngàn hồ nước lớn nhỏ hình thành từ các hồ băng hà, mặt hồ phẳng lặng như những tấm gương màu xanh ngọc bích, phản chiếu mặt trời lúc nửa đêm. Hệ thống thủy văn ở đài nguyên phía Bắc tạo nên một cấu trúc địa hình vô cùng phức tạp và khó lường. Địa hình Lapland bị thống trị bởi các hệ thống đầm lầy than bùn khổng lồ, tiêu biểu nhất là vùng đầm lầy Sjaunja (nay là một phần của Di sản thế giới Laponian). Vào mùa xuân khi băng bắt đầu tan, nước băng tan đọng lại trên mặt đất tạo thành những vùng đầm lầy than bùn khổng

lồ và nguy hiểm. Sự kết hợp giữa tầng đất đóng băng vĩnh cửu bên dưới ngăn nước thấm xuống và nước băng tan mùa xuân tạo nên những bãi lầy sụt lún rộng hàng nghìn km vuông. Selma Lagerlof miêu tả chúng như những *"tám nệm nước"* không lồ, xộp mọng, nửa đất nửa nước. Đối với con người, đây là vùng đất bất khả xâm phạm. Lớp bùn lầy nguy hiểm có thể nuốt chửng bất cứ sinh vật lớn nào lỡ bước chân vào. Không khí ở đây luôn băng lạnh sương mù và nồng mùi than bùn cổ đại. Trái ngược với sự nguy hiểm đối với con người, đầm lầy Lapland lại là thiên đường bình yên nhất thế giới của các loài chim hoang dã. Tại đây, ngỗng trời, các loài thiên nga, chim lội nước có thể tự do làm tổ, nuôi con mà không sợ bất kỳ sự quấy nhiễu nào từ thợ săn hay các loài thú ăn thịt lớn. Đầm lầy hoạt động như một bức tường thành sinh học bảo vệ sự sống.

Cực Bắc Lapland là nơi sở hữu hàng ngàn hồ nước hình thành từ các hồ băng hà cổ đại. Trong hành trình của Nils, những hồ nước này hiện lên với vẻ đẹp siêu thực và tĩnh lặng. Ánh sáng của mặt trời lúc nửa đêm phản chiếu vào băng đá tạo nên những dải màu sắc lấp lánh như ngọc trai.

Nếu đầm lầy là sự tĩnh lặng thì sông ngòi và những con thác ở Lapland lại là biểu tượng cho năng lượng bộc phát mạnh mẽ nhất của tự nhiên, đặc biệt là lưu vực sông Lule và các dòng sông đổ ra vịnh Bothnia: *"Niềm vinh quang của xứ này là những con sông hùng tráng và âm u...những con sông ấy mà hiện ra ở phía Nam sông Dalal thì các con sông lớn và các con sông nhỏ ở đây sẽ chui xuống đất hết vì xấu hổ."*[4, tr.448]. Khi mùa hè thực sự gõ cửa, khối tuyết khổng lồ trên dãy núi Scandes đồng loạt tan chảy. Hàng triệu khối nước đổ xuống các sườn dốc, tạo nên những con thác dữ dội âm âm qua các hẻm núi granite thô ráp. Nước tung bọt trắng xóa, cuốn theo các thân cây gỗ rách nát, cắt xẻ địa hình thành những hẻm vực sâu hoắm. Dòng chảy cuộn xiết này mang nguồn khoáng chất dồi dào từ núi cao xuống vùng đồng bằng, đánh thức thảm thực vật đài nguyên tỉnh giấc sau giấc ngủ đông dài.

Tóm lại, có ba yếu tố thủy văn này hòa quyện chặt chẽ với nhau để tạo nên một vòng tuần hoàn của sự sống tại Lapland: Nước tan từ tuyết núi cao tạo

thành thác dữ, đổ đầy vào các hồ băng, thấm đẫm và duy trì các vùng đầm lầy trù phú. Chính sự khắc nghiệt, hiểm trở của địa hình thủy văn Bắc Cực lại là nguồn mạch nuôi dưỡng và bảo chở cho một hệ sinh thái hoang dã vô giá.

2.1.2. Động, thực vật phong phú

2.1.2.1. Động vật

Có địa hình đa dạng nên hệ sinh thái thiên nhiên Thụy Điển cũng vô cùng phong phú. Là điểm xuất phát và cũng là nơi kết thúc hành trình, miền Nam Thụy Điển hiện lên với một hệ sinh thái hiền hòa, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi bàn tay canh tác của con người. Địa hình đồng bằng bằng phẳng là thế giới lý tưởng của nhiều loài vật quen thuộc. Trong các trang trại là ngỗng nhà, gà, bò, ngựa, mèo, và chó chăn cừu. Trên các cánh đồng và đầm lầy phẳng là chim di cư và chim nước như: Ngỗng trời, vịt trời, thiên nga, hạc, và cò. Các vùng đầm lầy miền Nam là điểm dừng an toàn để đàn ngỗng trời kiếm ăn, nghỉ ngơi tích lũy năng lượng trước khi bay lên phía Bắc lạnh giá. Trong các khu rừng sồi và bụi rậm là nơi ẩn nấp của các loài thú ăn thịt và gặm nhấm. Cáo Smirre và đồng bọn thường rình rập ở bìa rừng, nơi tiếp giáp với đồng bằng để săn tìm ngỗng trời hoặc đột nhập vào các chuồng gà của trang trại.

Thế giới hoang dã miền Nam nổi bật với các đàn cò trắng làm tổ trên mái nhà cỏ, và các loài chim ca hát nhỏ bé ẩn nấp trong các bụi gai ven đường. Vào một số ngày nhất định trong năm, chúng sẽ tụ tập trên đỉnh Kullaberg hiền hòa *“Khó mà nói được là cái gì đã thu hút các loài vật đến đây, nhưng mà năm nào chúng cũng tụ tập về đây thành một cuộc họp mặt vui chơi lớn”* [4, tr.88]. Nai, hoẵng, thỏ, cáo thì đến vào ban đêm, những đàn chim chọn buổi sáng sớm. Chúng ken dày như một đám mây *“ập xuống nhanh như chớp, và chỉ loáng một cái, ngọn đồi đã biến mất dưới những chim sơn ca lông xám, những chim mai hoa đẹp lông đỏ, xám và trắng, những chim sáo sậu lông tím xanh và những chim sơn tước lông tím xanh”* [4, tr.90] và *“mây tản ra thành trận mưa lá tả và quang quác những quạ đen, quạ khoang, quạ nhỏ và quạ bé”* [4, tr.90]. Cách đây không xa chim sẽ “rơi” xuống như mưa. Đa đa và gà rừng bay trật tự mỗi con cách nhau ba mét. Các giống chim sống trên đảo lại *“bay thành những hình*

lạ lùng: hình tam giác và hình cây lao dài, hình móc xiên và hình bán nguyệt” [4, tr.91]. Đàn thỏ thì thoát ẩn, thoát hiện. Cáo nhảy nhót. Nai đầu sừng đốm đóp, móng cào nát đất của các đồng thạch thảo. Ngõng trời và sếu lượn xoay vòng. Đàn hạc kiêu hãnh trong vũ điệu có một không hai: *“Vừa lướt về phía trước, chúng vừa quay tròn mình, nửa bay nửa múa. Những đôi cánh cong lên một cách thanh lịch, chúng di chuyển với một tốc độ không thể nào hiểu được. Điệu múa của chúng có một cái gì độc đáo và kì dị. Có thể nói đó là những cái bóng màu xám biểu diễn một trò vui mà mắt nhìn khó theo dõi kịp, và cái trò ấy hình như bày chim học được ở những đám mây bông bênh trôi trên những đầm lầy. Cái trò ấy như từ yêu thuật mà ra.”* [4, tr.98].

Dịch sang đảo Oland phía biển Baltic, hàng đàn chim nối đuôi nhau: *“Đó là những con vịt trời, những con ngõng xám, những vịt trời Bắc cực, những con cốc phương Bắc, những con cốc trắng có mào, những con ác là biển...”* [4, tr.133]. Phía cực Nam của hòn đảo này còn là thiên đường của các loài chim khác như thiên nga, vịt biển nhiều màu.

Miền trung khắc nghiệt lại là thế giới của động vật hoang dã tự do: Những đàn quạ hoang tinh ranh, chim gõ kiến thâm lặng và loài cú mèo, đại bàng sở hữu đôi mắt săn mồi ban đêm tinh tường, rắn và trăn. Giữa rừng rậm miền Trung là nhà của loài nai sừng tấm "vị vua của rừng rậm Bắc Âu" với cặp sừng đồ sộ, loài gấu nâu nặng nề và những đàn chó sói xám rình rập trong đêm đông. Độc đáo nhất vẫn là động vật cư trú ở Lapland, có thể xem Lapland là lãnh địa của những đàn tuần lộc di cư khổng lồ, những con đại bàng dũng mãnh và cáo tuyết. Sự sống ở đây hiện lên vừa mãnh liệt vừa khắc nghiệt, đòi hỏi bản lĩnh sinh tồn cao nhất. Chính sự kết hợp giữa ánh sáng bất tận và khí hậu cực đoan đã nhào nặn nên một hệ sinh thái có bản lĩnh sinh tồn phi thường. Vì mặt trời không lặn, các loài chim di cư và đàn tuần lộc phải tranh thủ từng giờ, từng phút của mùa hè ngắn ngủi để kiếm ăn, sinh sản và nuôi con lớn khôn trước khi mùa đông khắc nghiệt quay trở lại.

Miền Bắc còn là nơi có loài chim ưng biển kiêu hãnh, chuột núi, cú trắng Bắc Cực tinh khôi và loài thiên nga hoang dã làm tổ bên các hồ băng tĩnh lặng, loài cáo tuyết với bộ lông biến đổi màu theo mùa và loài chó sói tinh ranh.

Nhà văn đã cho người đọc thấy sự đa dạng loài ở các miền địa hình. Mỗi loài đại diện cho một lối sống, tập tính riêng. Thiên nga bơi lội duyên dáng như nhà quý tộc rong chơi, sếu thì vút đi như một nghệ sĩ tuyệt vời giữa không gian, đại bàng thì ung dung, khoan thai làm chúa tể bầu trời. Dưới đất thì nào là con cáo ranh ma, con cây mình dài thô lỗ, trong rừng xanh con nai xù lạnh là chủ nhân, chôn núi thẳm thì con gấu lông xồm là ẩn sĩ. Đàn ngỗng trời có tính kỷ luật cực cao. Chúng bay theo hình chữ V để tiết kiệm sức lực, có sự phân công rõ ràng giữa ngỗng đầu đàn và các thành viên. Chúng có tập tính di cư nghiêm ngặt, luôn cảnh giác với kẻ thù và có "luật lệ bầu trời" riêng. Loài cáo, động vật săn mồi đơn độc, ranh mãnh và kiên trì. Loài chuột đề cao tính bầy đàn và sự giành lãnh thổ khốc liệt. Chúng bình đẳng trong sinh tồn theo những quy tắc của tự nhiên. Mọi sinh vật đều biết rõ vị trí và vai trò của mình để duy trì sự cân bằng của tự nhiên.

2.1.2.2. Thực vật

Nguyên tắc phân bố thực vật theo đới khí hậu vốn khô khan khó nhớ được Selma Lagerlof trình bày rành mạch đáng yêu qua một giấc mơ: Nils được con đại bàng Gorgo quắp từ miền Nam lên miền Bắc Thụy Điển, đi theo mặt trời lên chiến đấu với ông phù thủy Đại tể công, cùng đi với nhiều loài động thực vật. Xuất phát từ miền Nam bầu đoàn đầy đủ loài vật, cây cỏ: Lúa mạch, đậu, táo, phúc bồn tử, dâu rừng, cúc vàng, cỏ chẻ ba, cỏ tương tư, sồi, dẻ, bò đề cành lá xào xạc. Rồi dần dần tụt lại các loài tiểu mạch, dâu rừng, sồi, dẻ, đa đa,... vì không chịu được khí hậu bắt đầu lạnh.

Thực vật trong cuốn sách hiện lên như một cuộc diễu hành của sắc màu và sức sống chạy dọc theo chiều dài đất nước Thụy Điển. Thực vật vừa là bối cảnh vừa là dấu hiệu của thời gian và sự thay đổi địa lý. Vùng đồng bằng miền Nam nổi tiếng về các loại cây trồng nông nghiệp, những cánh đồng lúa mì, củ cải đường mênh mông và các vườn cây ăn quả trù phú. Trên đỉnh các vùng núi

thấp và đồi thì chỉ có: “*những cánh đồng, những khóm rừng, lác đác những mô đất phủ đầy thạch thảo*” [4, tr.86] vừa là: “*Những khu rừng dễ gai, những cánh đồng cây trăn, những chòm cây sồi, những bãi cỏ xanh và những trắng trông đầy thông*” [4, tr.57].

Vươn ra phía biển, bụi gai và cây dại thi nhau leo lên vách núi nhưng trước sức mạnh của gió chúng phải biến thành cây bụi để bám chắc được vào sườn núi, thấp lè tè, kết thành những tán xanh cheo leo trong chỗ lõm và hẻm hỏ. Đồng cỏ ở đây thấp và phẳng, cỏ mọc thành chùm bám vào cát. Đặc biệt, trên núi đá vôi của đảo Oland chỉ có cỏ lách, hòa thảo và hướng dương. Chúng kiên cường bám trụ trên mặt đá trơn trượt trở thành thảm thực vật độc đáo trên vùng đá mà ít nơi nào trên thế giới có được.

Đến miền Trung, xứ Smaland, thiên nhiên dần mất đi vẻ thuần hóa của con người. Trên trắng cát rộng “*Thạch thảo ngự trị toàn quyền, trừ một đôi đá thấp chạy qua giữa vùng, là có những cây đỗ tùng, cây thanh lương trà*” [4, tr.196]. Càng tiến về phía bắc, hệ thực vật càng mang đậm màu sắc hoang dã của vành đai rừng taiga Bắc Âu nguyên sinh: “*Rừng mọc theo các sườn núi lên rất cao*” [4, tr.234]. Bạt ngàn những cánh rừng lá kim, cây thông và cây vân sam mọc dày đặc, tạo nên những tầng tán tối tăm, thâm nghiêm, hết như một “đại dương xanh thẫm”, “*Nils nhìn xuống và thấy một màu xanh thẫm trải dài đến tận chân trời. Đó là những rừng thông già đứng sừng sững, nơi những tán lá kim đan vào nhau che chở cho muông thú phía dưới, tạo nên một vẻ đẹp vừa bí ẩn vừa hùng vĩ của vùng đất phương Bắc.*” [4, tr.278]. Tiếng gió thổi qua lá kim như tiếng rì rào của biển cả. Dưới chân những gốc thông già là thảm rêu dày cộp, mềm mượt, các loại nấm dại, các loại cây bụi, và những quả việt quất dại chín mọng.

Thực vật có sự chuyển đổi rõ rệt theo độ cao. Tiếp tục thẳng hướng miền Bắc rét mướt, Nils lại thấy kiều mạch, lúa mạch, đại mạch, đậu Hòa Lan, lê, táo, phúc bồn tử và có những bạn mới đến bổ sung: Bụi miên liễu, tùng, bách,... Rồi lên xa nữa thì chỉ còn mênh mông giang sơn bóng tối của miền tuyết băng địa cực vĩnh cửu. Ở miền Bắc khắc nghiệt này cỏ cây cũng đặc biệt. Nhất là

thảm thực vật bám đá. Như một phép thuật, thực vật Lapland từ bỏ chiều cao để đổi lấy sự sinh tồn. Cây bạch dương lùn và liễu lùn chỉ cao vài centimet, bò sát mặt đất để tránh gió bão. Đối với chú bé Nils đã bị biến thành nhỏ xíu thì thảm thực vật vùng đài nguyên này giống như một khu rừng rậm tí hon nhưng đầy rẫy hiểm nguy. Mặt đất đài nguyên được phủ kín bởi địa y tuần lộc màu xám trắng và sự bùng nổ sắc màu ngấn ngủi của quả mâm xôi đậm lầy vào mùa hè. Đây là những cư dân kiên cường nhất của đài nguyên. Chúng không cần đất mỡ màng, chỉ cần bám chặt vào những phiến đá trơ trọi và thản nhiên sống. Thân cây chỉ cao từ vài centimet đến gang tay, bò sát mặt đất, cành lá vắn vẹo bám chặt vào đá để tránh bị gió bão quật gãy và để tận dụng chút hơi ẩm ít ỏi từ mặt đất.

Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils qua khắp đất nước Thụy Điển được nhà văn phác họa ấn tượng thành một tấm bản đồ địa lý. Tấm bản đồ ấy không vô tri mà là một cơ thể sống động, rộn rã âm thanh và sắc màu của muôn loài. Hành trình bay của Nils chính là một chuyến khảo sát sinh học vĩ đại, nơi tác giả Selma Lagerlof đã kỳ công dệt nên một bức tranh động thực vật phong phú, đa dạng và giàu tính nhân văn bậc nhất.

2.1.3. Cảnh sắc đặc trưng theo mùa

Nils ra đi ngày 20 tháng ba, trở về ngày 8 tháng mười một, mà trải qua đủ các mùa trong năm: những cơn mưa xuân đầu mùa, “mưa ra bánh mì, bánh ngọt”, những cơn bão bất thần kéo đến, những mặt hồ đang tan băng, những cánh rừng vào xuân bắt đầu xanh tốt, những ngày mùa hạ dài thẳng hai mươi bốn giờ, những đêm thu chó sói đuổi theo khách đường trường, những tháng mười ở miền bắc đã chịu cái giá rét địa cực.

2.1.3.1. Cảnh sắc mùa đông

Hành trình của Nils bắt đầu khi thiên nhiên đang trong mùa đông khắc nghiệt: *“Toàn thế giới như tê cứng lại, vĩnh viễn”*. Trong bãi lầy, bụi cây bị tuyết vùi, hoa quả bị cứng lại vì băng giá. Tại vùng Skane, mùa đông hiện lên qua những mảng tuyết trắng còn sót lại trong rãnh đất và mặt đất đóng băng cứng đờ: *“Một lớp băng phủ gần kín mặt hồ...khắp nơi mặt đất trơ trụi, nhưng*

dưới những cành lá chằng chịt này, tuyết đã tan rồi đông lại nhiều lần và đã rã như băng” [4, tr.31]. Tuyết mùa đông ở Bắc Âu không chỉ là cái lạnh, mà là một quyền năng tĩnh lặng, biến những rừng thông xanh thẫm thành những "đoàn quân" khoác áo bào trắng xóa. Trên những đỉnh núi cao vùng Lapland, mùa đông hiện diện qua những dòng sông băng vĩnh cửu xanh ngắt và uy nghiêm. Tuyết rơi nhiều, và mặt đất mênh mông trắng xóa một màu. Tuyết trắng bao phủ toàn bộ lãnh thổ, các hồ nước biến thành những tấm gương băng không lờ. Sự tĩnh lặng tuyệt đối bao trùm lên những cánh rừng thông lá kim. Khi những cơn gió bắc thổi qua, cả vùng đất Lapland chìm trong sự tĩnh lặng chết chóc, chỉ còn tiếng rắc rắc của những cành cây gãy vì sức nặng của băng giá.

Đó là một mùa đông với bầu trời xám xịt, những dải mây nặng trĩu tuyết và mặt hồ bắt đầu đóng một lớp màng băng mỏng vào buổi sáng sớm lạnh lẽo. Sự sống dường như đang bị kìm kẹp dưới những dòng sông băng vĩnh cửu, trên những đỉnh núi trắng xóa quanh năm, chỉ toàn những khối băng không lờ xanh ngắt, những cơn gió tuyết có thể quật ngã bất cứ sinh vật nào. Cảm giác, nơi này mùa đông không bao giờ thực sự kết thúc.

2.1.3.2. Cảnh sắc mùa xuân

Mùa xuân trong tác phẩm là mùa của sự khởi đầu, của tự do và tiếng gọi mãnh liệt từ phương Bắc. Gió không còn mang cái buốt giá cắt da thịt của mùa đông mà bắt đầu trở nên ẩm ướt và ấm áp hơn. Tác giả miêu tả gió xuân như một bàn tay vô hình đang vỗ về, làm mềm đi những thớ đất cứng ngắt, thúc giục những mầm non vươn vai thức dậy.

Trên bầu trời, hàng ngàn đàn chim di cư từ phương Nam bay về. Tiếng kêu vang động của chúng như là "tiếng kèn" báo hiệu mùa xuân đã thực sự làm chủ vùng đất Bắc Âu. Dưới mặt đất tiếng băng nứt vỡ trên các hồ nước lớn như hồ Vattern được miêu tả rền vang như tiếng súng. Những dòng suối nhỏ bắt đầu "hát" khi dòng nước luồn lách qua những khe đá, cuốn trôi đi tàn tích của mùa đông lạnh lẽo.

Thiên nhiên chuyển mình từ màu xám xịt của băng giá sang sắc màu rực rỡ của sự sống. Vào thời điểm tuyết tan, băng tan trên các dòng sông cây cối xanh lại, đâm chồi và sáng lên. Trời đẹp lạ lùng: "*Cao thăm thăm và xanh một màu trong vắt*" [4, tr.7]. Khi Nils bay lên cao, vùng miền Nam Skane hiện lên như một tấm khăn trải bàn caro khổng lồ, sặc sỡ với: "*Những ô lá mạ...những ô vàng nhạt pha xám...những ô màu nâu...những ô đen... những ô màu sẫm*" [4, tr.23]. Những cánh đồng lúa mì ở miền Nam bắt đầu chuyển từ màu xám xịt sang màu xanh nõn chuối mịn màng như nhung. Những khu rừng sồi bắt đầu nhú lộc, các loài hoa dại nở rộ trên các sườn đá. Những loài hoa đầu xuân như hoa gan gà và hoa anêmon trắng tinh khôi dưới chân những tán cây dẻ gai ngay khi nắng ấm vừa tới. Chúng kiên cường nảy mầm ngay dưới lớp tuyết đang tan, ngay dưới chân những cánh rừng dẻ gai còn trơ lá. "*Giá lạnh mùa đông đã tiêu tan rồi. Ngọn lửa xuân mới đang cháy trên mặt đất...*" [4, tr.95]. Những cây cao và đẹp chưa mọc lại lá, nhưng mặt đất bên dưới đã rực rỡ những hoa bạch đầu ông, hoa huệ và hoa địa tiền. Trên rừng: "*Những cây tùng bách đã giương cao những cành non xanh tươi, những cây bạch dương ở các cánh rừng con pho những chồi mềm mại, các bãi cỏ một màu xanh mới, và các cánh đồng một thảm lúa mì non*" [4, tr.420]. Mặt hồ tương chừng không phải chứa nước mà chứa đầy ánh sáng xanh lơ: "*Có thể nói rằng một ánh hồi quang màu thiên thanh đã hiện lên từ đó và tỏa ra khắp mặt đất. Những khóm cây, những ngọn đồi, những mái nhà, những mũi tên, thành phố Jonkoping, tất cả đều đắm mình trong ánh quang minh biếc dịu dàng...*" [4, tr.235]. Nhìn từ trên cao: "*Những ngọn núi xanh biếc một màu tuyệt diệu, huy hoàng trong ánh ban mai dưới những màn sương nhẹ mờ mờ vàng*" [4, tr.263]. Tại núi Kullaberg, những vách đá xám xịt được thắp sáng bởi ánh nắng trong trẻo. Những mầm non xanh biếc bắt đầu nhú ra từ cành cây trơ trụi, và thảm hoa rừng li ti đủ màu sắc đua nhau nở rộ dưới chân những gốc sồi già. Muôn loài tụ họp dưới nắng xuân ấm áp để xem điệu múa của loài sếu. Ánh mặt trời buổi sớm chiều rọi lên những vách đá, làm rực sáng cả một vùng biển xanh, tạo nên một khung cảnh huy hoàng mà chỉ mùa xuân mới có.

Một trong những vùng đất thể hiện rõ rệt nhất sự khác biệt của cảnh sắc mùa xuân chính là vùng Smaland, nơi được ví như "vùng đất của sỏi đá". Trong khi ở miền Nam mùa xuân trải dài trên những cánh đồng bằng phẳng, thì ở Smaland, mùa xuân phải len lỏi qua những khe đá tảng xám xịt. Nils nhìn thấy những mầm cây kiên cường vươn lên từ những hốc đá, tạo nên một sự đối lập mạnh mẽ giữa cái cứng nhắc của đá và sự mềm mại của sự sống.

Vì Smaland có địa hình gồ ghề, mùa xuân đến đây không êm đềm mà dữ dội. Băng tan cũng khác lạ: *“Băng dâng lên rồi hạ xuống như được đẩy từ phía dưới...một tiếng chát tai từ khối băng phát ra và những đường nứt của băng tỏa ra như những nan hoa...Những đường nứt ấy chạy trên mặt băng...lớp băng chia ra thành những mảng lớn bồng bênh”* [4, tr.310]. Băng, tuyết tan từ các cao nguyên đổ xuống tạo thành những con suối chảy xiết, gào thét qua các khe núi. Tiếng nước chảy như tiếng reo hò của thiên nhiên khi thoát khỏi xiềng xích của băng giá.

Khác với màu xanh nõn của lúa mì, mùa xuân ở Smaland mang sắc xanh thẫm và trầm mặc của những rừng thông cổ thụ. Khi nắng xuân chiếu rọi, những hạt nhựa thông bắt đầu tỏa hương thơm nồng nàn, tạo nên một bầu không khí đặc trưng mà Nils cảm nhận rất rõ khi bay ngang qua. Qua vùng Smaland, mùa xuân không chỉ là cái đẹp lộng lẫy mà là vẻ đẹp của nghị lực. Nó dạy cho Nils bài học về sự kiên trì: ngay cả trên sỏi đá, sự sống vẫn có thể nở hoa nếu ta đủ nỗ lực.

2.1.3.3. Cảnh sắc mùa hè

Ở Bắc Âu, mùa hè cũng rực rỡ không kém gì xứ nhiệt đới, khắp nơi hoa trái bung nở. Trong các thung lũng: *“Vòm trời nóng như một cái trần nhà màu xanh lơ bàng bạc, những cây thanh lương trà thì màu vàng mang những chùm đỏ đệp. Bãi cỏ phải còn xanh nhưng đêm hôm ấy trắng sáng đẹp tuyệt trần, nên trông như màu trắng tráng bạc”* [4, tr.511].

Trong những cánh rừng bạch dương, ánh mặt trời dịu ngọt trải dài khắp thân trắng muốt, làm bừng sáng những mặt hồ xanh thẫm và gọi mời hàng triệu đóa hoa đại khoe sắc trên những đồng cỏ cao nguyên bao la.

Thế nhưng cũng ở miền Bắc, vùng Lapland, đối lập với vẻ đẹp mê hoặc của ánh sáng là một hệ thống khí hậu tàn nhẫn, sẵn sàng trừng phạt bất cứ sinh vật nào lơ là mất cảnh giác. Cái lạnh thấu xương và băng giá bao phủ. Ngay cả khi mùa hè đã sang, khí hậu Lapland vẫn mang hơi thở của băng giá vĩnh cửu. Những cơn gió buốt giá thổi ra từ các sông băng trên dãy núi Scandes luôn chực chờ đóng băng những dòng nước vừa tan. Trong mắt Nils sương giá như một con quỷ lùn già đang ngồi : *“Thân hình là băng, tóc là những miếng nước đá, áo khoác là tuyết...”* [4, tr.454].

Tiến sâu vào miền Trung và miền Bắc, Nils được chiêm ngưỡng mùa hạ phương Bắc rực rỡ, được trải nghiệm những đêm không có bóng tối. Mùa hè là lúc thiên nhiên trù phú nhất, với những bụi quả mọng chín đỏ và mùi hương nhựa thông nồng nàn trong gió. Thiên nhiên Thụy Điển phô diễn vẻ đẹp lộng lẫy và phóng khoáng nhất, mời gọi con người hòa mình vào sự tự do vô tận của đất trời. Khi đàn ngỗng trời bay đến vùng Lapland thuộc phía Bắc, nơi nằm trong vòng Cực Bắc, Nils đã rất ngạc nhiên vì *“Trong những bãi lầy, chim hạc đang ngủ đứng. Đêm đã phải đến rồi mà ánh sáng vẫn còn”* [4, tr.448].

Mặt trời không lặn xuống phía nam như thường lệ mà di chuyển lên phía bắc, chiếu thẳng vào khuôn mặt cậu: *“Riêng cái mặt trời là không đi xuống phía nam. Trái lại, nó càng lên rất cao lên phía bắc và giờ đây những tia sáng của nó đập vào mắt Nils”* [4, tr.448]. Nils sửng sốt khi thấy mình có thể đọc sách hay ngắm nhìn cảnh vật rõ ràng một ngày giữa đêm khuya và hóm hỉnh ước ao: *“Giá cái ánh kia, cái mặt trời kia mà soi sáng cho Vemmenhog thì tốt biết bao: một ngày sẽ làm lụng được những hai mươi bốn giờ kia đây”* [4, tr.448]. Đây là nét đặc trưng kỳ ảo nhất của mùa hè Bắc Âu.

Mặt trời treo lơ lửng trên đỉnh núi đá suốt đêm, nhuộm toàn bộ vùng đài nguyên, rêu và địa y thành một bức tranh đầy màu sắc: *“Khối núi tuyệt đẹp, các đỉnh nhọn mọc lên, cái trước cái sau, đổ rực dưới ánh mặt trời, còn các sườn dốc thì màu xanh phơn phớt lẫn những ánh vàng”* [4, tr.453]. Các loài chim non đua nhau tập bay dưới ánh sáng đêm rực rỡ.

Bầu trời đêm cực Bắc hiện lên như một sân khấu khổng lồ với những dải lụa ánh sáng màu xanh lá cây, hồng và tím nhảy múa, uốn lượn qua các đỉnh núi phủ tuyết. Dưới ánh sáng ban đêm, cảnh vật không tối đen mà mang những sắc thái kỳ diệu: những rặng núi phủ tuyết ánh lên sắc hồng, các hồ nước lấp lánh như dát bạc và thảm thực vật lãnh nguyên hiện rõ từng mảng màu xanh, nâu, xám rực rỡ. Vì mùa hè rất ngắn nên thực vật và động vật đều tận dụng tối đa ánh sáng để sinh sôi. Những bông hoa dại nhỏ bé bùng nở khắp nơi, và đàn ngỗng trời hồi hải nuôi nâng lũ ngỗng con trong bầu không khí trong vắt, tĩnh mịch nhưng tràn đầy năng lượng. Những đàn tuần lộc di cư khổng lồ thông dong gặm cỏ trên những bình nguyên bao la, lấp lánh dưới ánh mặt trời không bao giờ tắt.

Không gian trong vắt và tĩnh mịch, không khí mùa hè ở Lapland tinh khiết đến mức Nils có thể nhìn thấy những đỉnh núi xa hàng dặm rõ mồn một. Mặt hồ lấp lánh như gương, không một gợn sóng, phản chiếu bầu trời xanh ngắt và những đám mây trắng muốt.

Cảnh sắc mùa hè gây ấn tượng mạnh về thị giác ấy còn là biểu tượng của sự khai phóng. Đối với Nils, đây là giai đoạn cậu cảm thấy mình tự do nhất, yêu đời nhất và thực sự hiểu được giá trị của sự sống.

2.1.3.4. Cảnh sắc mùa thu

Hành trình bay xuyên suốt nước Thụy Điển của Nils bắt đầu từ đầu xuân và khép lại vào những ngày cuối thu. Do đó, bức tranh thiên nhiên mùa thu được nhà văn khắc họa đậm nét chủ yếu qua hai chặng tiêu biểu là vùng phương Bắc và dọc đường về Nam.

Không gian từ từ chuyển đổi, bắt đầu từ sắc màu biến đổi trên vạn vật: *“Giờ này hồ cũng phớt hồng như da trời. Bờ hồ thì vàng, nhờ những cánh rừng nhỏ mà thu đến đã làm ngả màu vàng và vì những gốc rạ của các cánh đồng. Đằng sau dải đất màu vàng đỏ, rừng bách hợp thành một vòng đai rộng sẫm màu mà phía trên ở bên đông, xanh biếc một hàng đồi, dọc chân trời phía tây thì chạy theo hình cánh cung dãy núi rực rỡ nhiều đỉnh nhọn, màu dịu và nhạt đến nỗi không biết gọi là màu gì cho đúng”* [4, tr.498].

Mùa hè qua đi, mùa thu nhuộm vàng những cánh rừng Thụy Điển từ Bắc xuống Nam. Đây là lúc vạn vật chuẩn bị cho một giấc ngủ đông dài nên chúng phô ra hết vẻ đẹp rực rỡ của mình: *“Mọi rừng bạch dương, mọi lùm cây và vườn tược đều đã phô ra những màu đỏ, màu vàng và những cái hồ trái dài ra, trong xanh giữa những bờ màu vàng”* [4, tr.526]. Rừng taiga chuyển màu rực rỡ từ xanh thẫm sang vàng chanh, đỏ rực và nâu đồng. Sương mù băng lảng xuất hiện trên các mặt hồ vào sáng sớm ở đồng bằng nhưng lại rơi dày đặc ở miền núi phía bắc: *“Cái gì cũng đầm đìa những nước và hơi ẩm những giọt nước đọng lại đầu mỗi ngọn cỏ và hơi khê động là nước rơi lả tả như mưa”* [4, tr.497]. Không khí bắt đầu se lạnh: *“Ban ngày đã thu ngắn lại nhiều, ban đêm thì dài ra, và các buổi sáng đến chậm một cách khủng khiếp...”* [4, tr.494].

Trên các cánh đồng bằng, bạt ngàn màu vàng ươm, xám nhạt của những gốc rạ sau vụ thu hoạch. Bờ sông thì vắng vẻ: *“Khi thì thoải thoải nghiêng xuống mặt nước, hoa nở đẹp tuyệt vời, màu đỏ, màu vàng lộng lẫy, khi thì đá rấn đến mức nước sông không gặm nổi, không cuốn đi được, đã dựng lên những thành thẳng đứng, những tháp, những lũy sừng sững trên dòng sông”* [4, tr.436]. Bọn thú nhảy cảm khắp các vùng cực bắc rực rịch lên đường. Hươu phương Bắc đang lũ lượt từ giã các cao nguyên băng tích. Gà rừng nép sát vào nhau, lông dựng đứng và rét cóng, thềm thường nhìn tất cả các đàn chim đang mãi miết bay về phương Nam, chúng chào nhau, hẹn gặp lại vào mùa hè năm sau, huyên náo, ồn ào như sân ga dưới mặt đất. Chỉ có đám gấu bắc cực là ung dung đón một mùa ngủ đông dài. So với các mùa trong năm mà mỗi mùa đều có một gương mặt sắc nét thì mùa thu có diện mạo thâm lặng nhất. Nó như một gạch nối khiêm tốn, ngăn ngui kết gắn hai mùa hạ và đông.

Sự phong phú của động thực vật, cảnh sắc đặc sắc bốn mùa của Thụy Điển chính là kết quả của địa hình đa dạng. Điều này khiến cho Thụy Điển trở thành một đất nước vừa xinh đẹp vừa bí ẩn vào bậc nhất tại Bắc Âu.

2.2. Vẻ đẹp của đời sống con người

2.2.1. Cần mẫn, sáng tạo trong lao động.

Thiên nhiên có thể giàu, có thể đẹp, nhưng phải qua bàn tay sửa sang, cần mẫn và trí tuệ của con người mới có thể trở nên đẹp đẽ hơn. Bay trên tỉnh Ostergotland, Nils sực nhớ một truyện cổ trong sách lịch sử của mình. Truyện *“Chiếc váy nhung dệt chỉ vàng mà một miếng lại vá vải len thô, nhưng ai đó đã đem phủ lên bao nhiêu là ngọc trai, ngọc thạch, làm cho rực rỡ, mỹ lệ hơn cả tấm nhung dệt chỉ vàng”* [4, tr.263]. Đối với Nils, bay trên cao thì thành phố, ấp trại, nhà máy, nhà thờ, lâu đài, nhà ga khác nào những “viên kim cương khảm vào giữa những hạt ngọc trai” trên tấm vải len thô nọ.

Tỉnh Sarmland được tả như “khu vườn xinh đẹp” trong giấc mơ của Nils vì ở đây vị lãnh chúa chết đã bao đời, tôn ông Karl, đêm đêm vẫn hiện hồn về cầm chiếc mai vun xới đất đai. Tỉnh Uppland xưa vốn là nghèo nhất và nhỏ nhất trong các tỉnh, đã phải đi ăn xin những tỉnh giàu có hơn và thu về được “một bộ sưu tập khủng khiếp những của vứt đi”. Nhưng với những thứ ấy, người ở Uppland cần cù xây dựng ra ấp trại, thành phố, bến tàu, làm cho tỉnh mình đẹp nhất, và được nhà vua đến đóng kinh đô. Lao động của dân Uppland “đã làm nên những việc lớn với những phương tiện nhỏ”, Selma Lagerlof lại nói là họ “làm ra những ông hoàng từ những kẻ ăn mày”. Cô giáo Selma muốn cho trẻ em đừng chỉ ca tụng sông thiên nhiên ưu đãi ta cái này, cái nọ mà phải học khai thác thiên nhiên thông minh và cần mẫn, may ra mới có đất nước giàu đẹp.

Thiên nhiên là môi trường sinh hoạt của con người, và đời sống các dân tộc từ xưa đã được tổ chức thế nào cho thích hợp hơn cả với môi trường thiên nhiên của mình. Tự tả mình về thăm quê nhà, Selma vui thích nhớ lại tất cả những gì mà người dân tỉnh Varmland vẫn làm quanh năm theo thời vụ: dỡ khoai, cắt bắp cải, nhặt hoa hublông, hái táo, tước sợi lanh, ngâm rồi đập, cán, cắt lông cừu, ngả bò lợn làm nhồi, làm xúc xích, may vá, đóng giày dép cho cả nhà, rồi cắt bia, làm bánh ăn mừng lễ Giáng sinh, và tối tối quây quần với nhau học tập, đọc sách, đánh đàn.

Một hôm Nils được nghe một người thợ mỏ già kể chuyện chia gia tài. Một bà lão khổng lồ, trước khi chết, đã chia gia tài của mình là tỉnh

Västmanland làm ba phần cho ba con trai; hai phần màu mỡ, xanh tươi, quang đãng, đem đến cho người ta hạnh phúc đầy đủ, làm cho người ta “hoàn toàn mãn nguyện”. Còn một phần thì hoang vu, cằn cỗi, chỉ toàn sườn núi đá dốc đứng, con người phải luôn luôn chống lại gấu và chó sói, chia cho ai thì “chỉ có thể làm cho người ta bất mãn”. Hai người anh lặng thinh. Chỉ có người con út, không muốn mẹ băn khoăn đã vui vẻ nhận cái phần khó khăn ấy : *“Mẹ cứ cho con cái phần thứ ba. Con sẽ cố tận dụng phần đó, và có thành công hay không con cũng sẽ không ca thán gì ...”* [4, tr.318]. Ít lâu sau, khi đã gắn bó đời mình với miền đất này và sống chết cùng nó anh mới biết đó là miền đất giàu có nhất tỉnh, vì lòng nó chứa đầy những mỏ sắt, mỏ bạc, mỏ đồng. Thành quả mà người con út có được chính từ sự tự giác trong lao động không ngại khó, ngại khổ.

Có lần, Nils đang ở trong rừng thì xảy ra vụ cháy rừng thật dữ dội, nhưng may không lan ra cả miền, vì có những người chữa cháy rất tận tâm và khôn khéo. Cái tai nạn thường xảy ra ấy được Selma Lagerlof dành cho khá nhiều bút mực, vì quan hệ giữa người với thiên nhiên không phải chỉ là lãng mạn, chỉ có những ân huệ ban phát cho con người, mà còn phải hiện thực, con người phải đề phòng tai họa do thiên nhiên đưa đến, và có cách chống lại tai họa. Yêu lao động, cần cù trong lao động được xem như một phần tất yếu của cuộc sống con người, kể từ bọn trẻ. Chúng cùng nhau đi trồng lại rừng. Đám trẻ vừa làm vừa trò chuyện với nhau, vẽ trịnh trọng và thành thạo, rằng các cây thông con chúng trồng xuống sẽ làm chút mùn còn sót dính kết lại và ngăn không cho gió thổi bay đi nữa. Rồi sẽ sinh ra lớp mùn khác ở dưới các gốc cây; rồi các hạt cây sẽ rơi xuống đây và *“vài năm sau, người ta sẽ hái quả phúc bồn và quả việt quất ở nơi mà ngày nay chỉ có đá trần trụi”* [4, tr.418]. Để dạy cho trẻ em một bài học về bảo vệ thiên nhiên, cô giáo Selma đã viết một đoạn văn rất trữ tình ca tụng việc trồng rừng, kết thúc rằng việc này là *“một đài kỉ niệm dựng lên cho những thế hệ mai sau... cháu chắt sẽ hiểu rằng tổ tiên họ đã là những người hiền minh và nhân hậu và sẽ nhớ đến tổ tiên với lòng tôn kính và biết ơn”* [4, tr.419].

Khí hậu cực đoan không thể khuất phục được con người. Người Sami trong truyện hiện lên với lối sống du mục tôn trọng tự nhiên tuyệt đối. Họ nương theo sự dịch chuyển của thời tiết, lừa đàn tuần lộc lên núi cao vào mùa hè và rút về các thung lũng khuất gió vào mùa đông, sống một đời sống hòa quyện, bắt tử giữa băng giá. Người Lapps thì: *“Chẳng cần nhiều thời gian để bố trí chỗ ăn ở. Họ chẳng hề đào đất, cũng chẳng bắn núi đá đi... Chẳng chút chi phí nào về sắp đặt nhà cửa cũng như sắm sanh đồ đạc...”* [4, tr.480]. Ngược lại, ở vùng Smaland khắc nghiệt đầy đá tảng và rừng rậm, vùng đất "bị bỏ rơi" về mặt tài nguyên vẫn sống mãnh liệt bằng sự cần mẫn và sáng tạo không ngừng từ con người. Để có đất canh tác, người dân phải nhặt từng viên đá lớn nhỏ trên mặt đất. Thay vì vứt bỏ, họ sáng tạo bằng cách xếp chúng thành những bức tường ngăn cách trang trại. *"Người dân Smaland là những người kiên cường nhất. Họ đã dùng đôi tay trần để khuất phục những bãi đá tảng, biến những mảnh đất cằn cỗi thành những thửa ruộng nhỏ xinh xắn bao quanh bởi những bức tường đá xám."*

Trên khắp đất nước, đâu đâu cũng có thể thấy dấu vết, thành quả đẹp đẽ từ sự sáng tạo trong lao động của con người. Nils được chứng kiến cách con người đào sâu vào lòng đất, sử dụng các công cụ và kỹ thuật sáng tạo để tách quặng từ đá cứng. Công nhân làm việc trong bóng tối, dưới lòng đất sâu với sự kiên định để tìm kiếm kho báu cho đất nước và tìm tòi xây dựng các hệ thống vận chuyển, máy móc sơ khai để giải quyết bài toán về độ sâu và địa hình hiểm trở.

Người nông dân sống và lao động trong điều kiện mùa hè cực ngắn nên phải sáng tạo ra các phương thức chăn nuôi tuần lộc di cư và trồng những loài cây sinh trưởng thần tốc để chạy đua với thời gian trước khi mùa đông quay lại. Họ biết tận dụng đặc điểm khí hậu và tập tính động vật để duy trì sự sống ở nơi tưởng chừng không thể sinh tồn.

Trong *"Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils"*, nhà văn vừa mở ra một thế giới cổ tích huyền ảo vừa tác dựng một bức tượng đài bằng ngôn từ về vẻ đẹp của con người lao động. Xuyên suốt hành trình từ Nam ra Bắc, qua các chương

"Smaland", "Stockholm" và những chặng dừng chân cuối cùng, tác giả đã khéo léo khắc họa phẩm chất cần mẫn và trí tuệ sáng tạo, những sợi chỉ vàng dệt nên sự thịnh vượng của đất nước Thụy Điển.

Qua mắt Nils, lao động không chỉ là công việc tay chân mà là một nghệ thuật sống. Sự cần cù của người dân Thụy Điển chính là sức mạnh giúp họ chiến thắng thiên nhiên, còn sự sáng tạo chính là công cụ để họ biến sự khắc nghiệt thành vẻ đẹp và sự thịnh vượng.

Trước hết, sự cần mẫn được thể hiện như một đức tính nguyên sơ và mạnh mẽ nhất của con người trong cuộc chiến sinh tồn tại vùng đất Smaland. Qua đôi mắt của Nils, Smaland không phải là thiên đường mà là một thử thách nghiệt ngã của tạo hóa với ngọn ngang sỏi đá và rừng rậm. Thế nhưng, con người nơi đây đã không cúi đầu trước số phận. Hình ảnh những bức tường đá dài dằng dặc bao quanh các trang trại chính là minh chứng hùng hồn nhất cho lòng kiên trì. Họ nhặt từng viên đá dưới lòng đất, xếp chồng lên nhau đời này qua đời khác để chắt chiu từng tấc đất canh tác. Sự cần mẫn ấy không chỉ là lao động chân tay thuần túy, mà là một sự nhẫn nại phi thường, biến những mảnh đất "bị bỏ rơi" thành những mái ấm no đủ. Qua đó, Nils học được bài học đầu tiên: lao động là cội nguồn của sự sống và phẩm giá.

Công trình vĩ đại nhất của người Thụy Điển được kết tinh trong việc xây dựng một đô thị trên nước. Nếu Smaland đại diện cho sự kiên trì bền bỉ thì Stockholm, thành phố trên mặt nước, lại là sự ca tụng trí tuệ đỉnh cao. Nếu Smaland là sự cần cù thô mộc, thì Stockholm là biểu tượng của trí tuệ và thâm mỹ tinh tế. Con người đã biến bất lợi của địa hình sông hồ chia cắt thành một lợi thế về giao thương và thẩm mỹ, một ưu thế kiến trúc độc nhất vô nhị. Thay vì bị chia cắt bởi những hòn đảo và sóng nước, người Thụy Điển đã nối liền chúng bằng những cây cầu, dựng lên những cung điện đá sừng sững ngay từ đáy biển: *"Bờ hồ kín những biệt thự, trước còn cách nhau, sau thì san sát, đủ các kiểu biệt thự. Có cái trông như những tòa lâu đài, có cái trông như trại áp khiêm tốn"* [4, tr.379]. Nils đã vô cùng ngỡ ngàng khi chiêm ngưỡng thủ đô hiện ra như một nàng tiên cá lộng lẫy giữa biển Baltic: *"Những ngôi nhà màu*

trắng, ánh mặt trời chiếu vào rực rỡ đến nỗi có thể nói là được xây toàn bằng ánh sáng. Các cửa kính và mũi tên rực lên như bị cháy, và thành phố cứ thế nổi trên mặt nước” [4, tr.380]. Stockholm chính là hiện thân của tư duy đột phá, minh chứng rằng khi con người biết kết hợp sức lao động cần cù với óc sáng tạo tinh tế, họ có thể biến thiên nhiên khắc nghiệt thành một không gian sống đầy nghệ thuật và giàu có.

Ở miền cực bắc, thành phố Sundsvall hiện ra ở bờ lõm của một cái vũng cũng thú vị không kém: “Thành phố này nhìn từ trên cao xuống thật đặc biệt, vì người ta thấy ở chính giữa nhiều công trình kiến trúc bằng đá lộng lẫy, chỉ ở Stockholm mới đẹp như thế mà thôi. Quanh những nhà xây đá, thấy một quãng trống, mà bao quanh là những vườn nhỏ bằng gỗ, xinh xắn, ở tận cùng vườn tược... Đây là một thành phố vừa giàu có vừa cường thịnh! Liệu đất rừng nghèo nàn này lại có thể sinh ra tất cả cảnh lộng lẫy này được chăng?” [4, tr.433].

Con đại bàng công Nils trên lưng, đưa chú đi xem miền rừng mênh mông, theo các dòng sông chuyển những bè gỗ dài vô tận đến các nhà máy cưa, máy xẻ tập trung thành những đô thị công nghiệp rộng lớn, xuất khẩu gỗ qua những hải cảng sầm uất. Là một chú bé nông thôn chỉ biết có lao động và thu hoạch nông nghiệp, trông thấy bất cứ cái gì trong công nghiệp rừng, chú cũng lấy làm lạ, và mỗi lần là con đại bàng cho đến con chim hoa mai, con chim chìa vôi, con gà trống đều phải giảng giải cho chú, như từng bước trình bày cho chú một bài học về lâm nghiệp, bằng cách so sánh lí thú với hoạt động nông nghiệp mà chú đã biết. Và nghe nói đến cái gì Nils cũng không khỏi lấy làm lạ, nỗi ngạc nhiên cứ dồn dập như một điệp khúc mỗi lúc một tăng, rốt cục làm chú phải thốt lên kính phục: “Mình chưa hề trông thấy ở đâu có đời sống như thế này, và cảnh nhộn nhịp như thế này!... Tuyệt diệu thay đất nước của mình. Ở bất kỳ đâu mình cũng thấy có những cách nuôi sống được con người” [4, tr.433].

Chủ đề lao động cần cù và sáng tạo trong lao động của con người Thụy Điển được nâng lên tầm cao mới ở chương cuối của tác phẩm. Khi Nils chuẩn bị trở lại làm người, cậu không còn là đứa trẻ lười biếng, phá phách như thuở

ban đầu. Sự biến chuyển lớn nhất ở Nils là cậu đã thấu hiểu giá trị của lao động và trách nhiệm. Phép thuật biến mất cũng là lúc Nils sẵn sàng bắt đầu một cuộc đời mới, cuộc đời của một người lao động trưởng thành, biết dùng đôi tay và khối óc để xây dựng tương lai thay vì dựa dẫm vào phép màu.

Selma Lagerlof đã gửi gắm một thông điệp vĩnh cửu: Sự cần mẫn giúp con người tồn tại, nhưng chính sự sáng tạo giúp con người thăng hoa. Sự sống ở các vùng miền đã vẽ nên chân dung một dân tộc Thụy Điển không chỉ biết khuất phục sỏi đá mà còn biết làm chủ đại dương. Tác phẩm nhắc nhở mỗi chúng ta rằng, lao động sáng tạo chính là "phép màu" thực sự duy nhất có thể biến đổi thế giới và hoàn thiện nhân cách con người.

2.2.2. Quý trọng tự do, lòng nhân ái và sự chính trực

Sự quý trọng tự do, lòng nhân ái và sự chính trực đã không còn là những khái niệm trừu tượng khi được Selma Lagerlof cụ thể hóa qua những lựa chọn sinh tử của cả con người và loài vật.

Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils không phải chỉ toàn là ngụ ngôn, cổ tích, truyền thuyết riêng cho trẻ em, mà có xen vào nhiều truyện rất hiện thực và thường là rất cảm động, như truyện bà lão nông dân và nhất là Asa, cô bé chăn ngỗng, và bé Mats. Kể truyện bà lão nông dân chết không có con cháu vượt mất, tác giả đã cho thấy là “bố mẹ có thể nhớ thương con cháu đến thế, cuộc đời đối với họ hình như đã hết khi con cháu bỏ họ ra đi”. Gia đình Asa nghe đồn là một bà lão digan sẽ chà cho họ chết hết, nếu họ để người đàn bà ho lao vào ở nhà họ, lời đồn đó tác động vào tâm trí họ rất mạnh, nhưng họ không đuổi người ốm đi, và người ấy chết luôn trong nhà họ, lây bệnh lao cho họ, gia đình họ chết mất năm người, và làm cho ông bố như mất trí, bỏ đi biệt tích. Nhưng bà mẹ trước khi chết còn *“nhắc lại các con phải nhớ là mẹ không bao giờ tiếc đã đón người đàn bà bệnh hoạn tội nghiệp kia vào nhà. Bà nói là chết chẳng có gì khó cả, khi đã làm xong bốn phận mình, mọi người ai cũng phải chết, sớm hay muộn, chẳng ai thoát được. Muốn ra đi lương tâm thanh thản hay lương tâm nặng chề chề thì mỗi người được tùy mình chọn lấy”*. [4, tr.463.]. Bài học thương người, nhân đạo chủ nghĩa là để dạy cho trẻ em, nhưng quan

niệm về cái chết như thế thì chẳng phải là một quan niệm đáng suy ngẫm cho tất cả chúng ta hay sao? Nói cho đúng thì trong những bài học đạo đức cho trẻ em của Lagerlof, có không ít chân lí để cho người lớn, người già cũng phải suy nghĩ.

Asa và Mats, hai chị em mồ côi phải làm lụng nuôi nhau, và đi bộ suốt cả đất nước mênh mông để tìm bố, nhưng một hôm ở một khu mỏ “mìn nổ âm ầm, công nhân không bao giờ dám chắc là không bị đá lạc đập phải hay núi đổ đè lên”, bé Mats mới mười hai tuổi đã phải chết vì mìn, Asa mới mười bốn tuổi quyết định làm đám tang cho em như một người lớn vậy, không ngại tốn kém. Ông giám đốc khu mỏ không muốn cho Asa phí tiền của vô ích, công nhân và vợ con họ đều tán thành vì ông ta là người oai quyền nhất cả vùng ấy. Asa liền tự mình đến gặp ông giám đốc, nói cho ông ta rõ lí do của việc mình định làm, mà như đọc bài điều văn, đơn sơ nhưng rất tự hào, cho em mình vậy *“Từ khi lên chín, bé Mats đã không còn cả cha lẫn mẹ, và đã bắt buộc phải kiếm ăn để nuôi thân như một người lớn. Không bao giờ bé muốn ăn xin ai, dù chỉ là một bữa. Bé lúc nào cũng nói rằng xin người bố thí cho là không xứng đáng làm người... như vậy người ta không có quyền nói rằng bé Mats chỉ là một đứa trẻ con, và người lớn cũng không phải nhiều người đã...”* và tác giả viết thêm: *“Asa, cô bé chần ngỗng ngừng lại, cho rằng chẳng cần nói tiếp nữa”* [4, tr.476]. Sự tử tế, sâu sắc và lòng tự trọng của Asa đã vượt xa sự cân đo bằng cái nhìn thuần túy nghiệp vụ ở một kẻ có bao nhiêu là người dưới quyền như ông giám đốc.

Người Thụy Điển sống dưới đồng bằng và thung lũng, ngày tháng và công việc của họ thường tuần tự như vậy nhưng trên miền Bắc và núi cao rét mướt thì người Lapps quanh năm phải đổi chỗ ở, lên cao xuống thấp theo nhịp sống của thiên nhiên. Selma Lagerlof có để cho một chú bé người Lapps, tộc Same, kể lại một truyện cảm động. Thời dịch hạch hoành hành gọi là “cái chết đen”, người Thụy Điển ở dưới đồng bằng chết hết, chỉ còn một cô gái mười lăm tuổi; người Same ở trên núi cũng chết hết, chỉ còn một anh con trai mười lăm tuổi. Lang thang đi tìm có đồng bào sống sót nào chẳng, họ gặp nhau, và

anh con trai đưa cô con gái lên quê hương mình; mùa hè họ đưa đàn hươu phương Bắc lên núi cao tìm các đồng cỏ, họ ăn thịt hươu sấy khô, phó mát làm bằng sữa hươu cất giấu từ năm trước, uống sữa hươu, bẫy chim, câu cá, hái dâu vàng ở các bãi lầy. Mùa thu họ bắt đầu xuống các vùng rừng tùng bách, mùa đông xuống thung lũng trong đêm dài hàng tháng, họ bện gân hươu làm dây, thuộc da hươu may quần áo, đóng giày dép. Trời ấm lên, anh con trai đưa bạn xuống đồng bằng, nhưng người con gái không muốn về quê cũ nữa vì đã quen lối sống tự do, phóng khoáng của người Same rồi. Kể câu chuyện, Selma muốn nói với các bạn đọc trẻ tuổi phải tôn trọng cách sống, lễ lối làm ăn, phong tục tập quán của các dân tộc khác mình, đừng cứ vội cho là lạc hậu.

Cũng như thế, ở chương *Khu vườn xinh đẹp*, tôn ông Karl, lãnh chúa cả xứ Sarmland, vừa du lịch trở về, sau bữa ăn ngon đứng ngắm vườn tược, vui sướng nghĩ rằng chẳng nơi nào trên thế gian có thể đẹp bằng vườn nhà mình được, thì bỗng nghe tiếng người lão bộc thở dài vì phải làm lụng hết ngày này sang ngày khác. Tôn ông thường không muốn nghe tôi tớ than phiền, liền quát to: “Ta quả quyết với lão rằng ta sẽ rất thích thú nếu được đào xới đất đai xứ này suốt cả đời ta”. Đúng là cầu được, ước thấy, tôn ông Karl đã ở dưới mồ rồi mà nào có được an giấc ngàn thu, cứ đêm đêm lại phải trở về “khu vườn xinh đẹp” của mình, cầm cái mai xới đất. Vì thế mà thấy ai chết, ông ta cũng than thân tủi phận là mình không biết bao giờ mới được yên nghỉ, và cái chiếc mai kia chẳng thể nào trao lại cho ai được cả. Tôn ông Karl chẳng có gì khác thường, chẳng qua cũng chỉ nói những lời như số đông các ông chủ, bà chủ ăn không ngồi rồi, nhưng mở mồm ra là mắng tôi tớ lười biếng, và tự đem mình ra làm gương mẫu, chỉ có điều là Selma Lagerlof đã bắt tôn ông Karl trả nợ đời thay cho tất cả các ông chủ, bà chủ khác mà thôi.

Trước khi trở lại quê nhà, Nils đã được con quạ già Bataki kể cho nghe một truyện khiến Nils phải suy nghĩ mãi. Một người đánh xe chở thùng gỗ đi đường bị chó sói đuổi, bỗng thấy một bà lão ăn xin già nua, khốn khổ, gù và thọt đi ngược lại phía mình, vì không hay biết gì cả. Cứ mặc cho bà ta đi để gặp đàn sói và làm mồi cho chúng là anh ta chắc chắn thoát được. Nhưng từ trước

đến lúc ấy, anh ta chưa hề làm gì xấu cả, bây giờ mà làm thế tức là chấm dứt tất cả cuộc đời lương thiện. Nên anh ta bèn dừng xe, mời bà lão lên với mình, và vì thế mà xe nặng, chạy chậm, bị sói đuổi kịp. Anh ta liền cẩu gắt, mắng bà lão và tự giận mình đã ngu dại mời bà lão lên cho nguy đến thân. Bà lão muốn hi sinh thân mình, nhảy xuống cho sói ăn thịt, để anh đánh xe có thể chạy thoát. Không nỡ nhẫn tâm đến thế, anh ta mới nghĩ ra một kế, đẩy xuống đường cái thùng to nhất, rồi tự mình nhảy vào trong thùng, hút đàn sói bầu lại quanh thùng nhưng không tài nào lật đổ được thùng để ăn thịt anh ta, trong khi bà lão đánh xe về làng gọi người đến cứu. Quạ Bataki muốn nhắc đến cái thế lưỡng đao mà người ta có thể gặp phải trong đời, và khuyên người ta là trong trường hợp tiến thoái lưỡng nan vẫn nên cố tìm lối thoát nào đừng để thiệt cho mình, cũng đừng làm hại cho người. Bài học đạo lí này rõ ràng là cần thiết với người lớn.

Nói đến những sách dạy người về đạo lí, không ai là không nghĩ đến Thor ngụ ngôn của La Fontaine, có thể xem như cuốn sách nổi tiếng nhất xưa nay về loại này. Nhưng bài học luân lí trong ngụ ngôn của La Fontaine phần lớn đều rút ra từ kinh nghiệm ở đời; mà cuộc đời trong các ngụ ngôn thì toàn do bọn cường bạo thống trị bằng vũ lực và bọn gian manh lợi dụng bằng nịnh hót, dối trá, lừa đảo; và trò đời thường là mạnh được yếu thua. Bài học của các ngụ ngôn chỉ là những lời khuyên người ta khôn ngoan, và thường là khôn vặt, để tránh bọn cường bạo và bọn gian manh. J.J. Rousseau trong thế kỉ XVIII đã cảnh tỉnh các nhà giáo dục là qua các ngụ ngôn của La Fontaine, cái xấu, cái ác dễ thấm vào tâm trí trẻ em hơn cái tốt, cái đẹp. Đạo lí mà các ngụ ngôn “dạy” cho người ta chẳng qua chỉ là cái thuật để sống yên thân trong xã hội bất công, cách xử thế như vậy xuất phát từ những lí do vị kỉ, rất xa với đức hi sinh, lòng nghĩa hiệp, việc anh hùng. Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils trái lại, dạy người ta quý trọng tự do, lòng nhân ái, kính phục lao động, sống chính trực, chống bạo tàn, tôn trọng những kẻ bé nhỏ, cảm thông những nỗi đau khổ, xót thương người bạn cùng, giúp đỡ kẻ hoạn nạn.

Cuộc lữ hành sắp kết thúc, “*Trông thấy mặt biển tự do, bát ngát, và mặt trời chiều đỏ thắm... Nils cảm thấy một cảnh thanh bình mênh mông, và một*

niềm an tâm sâu sắc thấm vào lòng mình. Mặt trời nói với chú rằng: “sống trên đời này vừa cho những người lớn, vừa cho những kẻ nhỏ, thích lắm chứ. Còn được tự do và vô tư lự, và có cả không gian trước mắt mình cũng là một điều tốt đẹp nữa” [4, tr.528]. Nghĩa là con người ta phải có một cuộc đời đạo đức, nhưng còn có một cuộc đời thơ mộng nữa. Dù là một cuốn sách đạo đức học, Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils còn là một tác phẩm chan chứa chất thơ. Những người chăn cừu ở Oland ước ao hòn đảo nghèo của họ bay bổng lên trời với đôi cánh bướm, đêm lễ nữ thánh Valborg, người ta đốt lên hàng trăm đồng lửa để biểu hiện niềm vui của con người cần bay bổng lên trời và “như muốn đánh thức cả mùa xuân dậy”. Tại hội múa chim hạc: “Không còn con vật nào nghĩ đến đấu chơi nữa, mà tất cả những vật có cánh và không có cánh đều khát khao bay bổng lên cao hơn những tầng mây... mong vút bỏ cái thể xác nặng nề đã kéo chúng xuống mặt đất, để bay bổng lên trời cao” [4, tr.99].

Ở trên trời, đàn ngỗng bay đến đâu, ở dưới đất cũng có người cất tiếng hỏi bay đi đâu. Với những thợ mỏ làm việc gian khổ, Nils nói: “Đến nơi không có cuộc chim, không có bữa tạ”. Với người ốm ở bệnh viện, Nils bảo: “Đến nơi không có đau đớn, không có khổ sở” và ai ở dưới đất cũng tựa hồ nghe tiếng nói của lòng mong mỏi của mình. Lao động còn vất vả mong được bớt nhọc nhằn, bệnh tật còn hoành hành mong được đỡ đau đớn. Giữa thực tại với tương lai, cũng như giữa mặt đất với tầng mây, còn chỗ cho ước mơ tha thiết, cho mộng tưởng nên thơ: “Người ta đã phải làm lụng hàng tuần nhưng người ta cũng đã có những lễ lạc, hội hè. Người ta đã làm việc khó nhọc ban ngày nhưng tối đến người ta tề tựu quanh ngọn đèn để đọc Tegner và Runeberg...Người ta trồng lúa mì nhưng người ta cũng trồng hao hồng và hoa mận lê. Người ta đã kéo sợi lanh nhưng những bài hát dân gian hòa vào tiếng quay xa...Người ta bị bỏng với cái bếp lò khi làm bếp nhưng người ta cũng đã học thổi sáo, gảy ghita, kéo vĩ cầm, đánh dương cầm...” [4, tr.521].

Triết lý sống ấy của nhà văn còn được thể hiện một cách tập trung qua tập tính, đời sống của các loài động vật tham gia vào hành trình của Nils.

Trong đàn ngỗng, đứng đầu là bà Akka, đại diện cho tinh thần tự do tuyệt đối. Tự do là khát vọng sống mãnh liệt. Chúng sẵn sàng từ bỏ sự an toàn, âm áp ở phương Nam để thực hiện hành trình gian khổ tới phương Bắc băng giá. Đối với chúng, tự do quý giá hơn sự no đủ nhưng bị giam cầm. Morten vốn là chú ngỗng nhà vụng về, sống trong sự bao bọc của con người. Việc chú dám bay đi cùng đàn ngỗng trời là minh chứng cho việc khát khao tự do có thể giúp một sinh vật vượt qua nỗi sợ hãi và giới hạn của bản thân. Akka dẫn dắt đàn ngỗng bằng những quy tắc nghiêm ngặt nhưng công bằng. Bà sẵn sàng bảo vệ Nils hay đại bàng Gorgo không phải vì vụ lợi, mà vì đó là điều đúng đắn phải làm.

Lúc đầu truyện, Nils tự do làm mọi điều mình thích, nghịch ngợm, hành hạ thú vật, nhưng thực chất cậu là "nô lệ" của những thói hư tật xấu. Cuối truyện, khi Nils biết hy sinh và sống thẳng thắn, cậu mới đạt tới sự tự do đích thực trong tư tưởng, điều giúp cậu "đủ lớn" để trở lại hình hài con người.

Cậu và người dân Thụy Điển hiện lên là những người coi trọng danh dự hơn sự sống và coi tự do là món quà quý giá nhất của tạo hóa. Phẩm chất yêu tự do, nhân ái và sự chính trực không chỉ nằm ở cá nhân Nils mà là "hệ giá trị" chung của con người Thụy Điển, được Selma Lagerlof lồng ghép khéo léo qua các tầng ý nghĩa sau. Tự do phải gắn liền với sự gắn kết đất nước. Người Thụy Điển không coi tự do là sự tùy tiện cá nhân. Tự do của họ là quyền được sống và làm chủ trên mảnh đất quê hương. Mỗi vùng miền, từ người nông dân Smaland đến người thợ mỏ Svealand, đều có một lối sống riêng, tự quản và độc lập. Họ tự hào về đặc sản, truyền thuyết và cách lao động riêng của vùng mình. Sự tự do này thể hiện ở tinh thần không khuất phục trước thiên nhiên khắc nghiệt, biến cái khó khăn thành cái riêng biệt đầy tự hào.

Lòng chính trực của con người Thụy Điển được thể hiện qua tinh thần thượng tôn đạo đức và sự công bằng. Chính trực là "luật bất thành văn" của xã hội. Trong các câu chuyện dân gian mà Nils gặp trên đường, người dân Thụy Điển luôn coi trọng lời giao kèo. Sự chính trực của cậu bé Nils ở cuối truyện, không phản bội bạn để trục lợi, thực chất là sự "thâm nhuần" những giá trị đạo

đức mà cậu đã quan sát được từ thế giới loài người và loài vật trên khắp đất nước. Khi bị Gia thần biến thành nhỏ xíu, Nils thực chất bị tước đoạt tự do của con người. Tuy nhiên, chính trong hình hài tí hon, cậu lại tìm thấy sự tự do trong tâm hồn, thoát khỏi sự lười biếng, ích kỷ để hòa mình vào thế giới bao la. Chính trực còn là thước đo của sự trưởng thành Lòng chính trực thể hiện ở việc Nils dần học được cách giữ lời hứa với yêu tinh và các loài vật. Cậu nhận ra rằng một lời nói dối có thể mang lại lợi ích nhất thời nhưng sẽ đánh mất danh dự mãi mãi. Khi Nils buộc phải đứng trước lựa chọn: trở lại làm người bằng cách để mẹ thịt chú ngỗng Morten hoặc mãi mãi là người tí hon. Nils đã chọn sự chính trực và tình bạn: *“Ngỗng trắng đang gặp nạn, nó là bạn tốt nhất của mình từ khi bỏ cái nhà này ra đi”, chú tự bảo thế. Bây giờ chú bỗng thấy lại tất cả các con nguy khốn mà chú và ngỗng đực đã từng đương đầu trên các mặt hồ đóng băng và mặt biển bão táp và giữa những ác thú hung dữ. Lòng chú tràn ngập lòng biết ơn và thương yêu”* [4, tr.544]. Nils đập cửa, hét lên với bố mẹ và cảnh báo Morten, chấp nhận hy sinh cơ hội duy nhất của mình để sống đúng với lương tâm.

Đặt bên cạnh những cuốn sách phiêu lưu nổi tiếng trên thế giới như *"Gulliver du ký"* của Jonathan Swift, *"Chuyện rừng xanh"* của Rudyard Kipling, *"Cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn"* của Mark Twain, *"Hoàng tử bé"* của Antoine de Saint-Exupéry... *“Cuộc phiêu lưu kì diệu của Nils”* vừa có những điểm giao thoa vừa có những khác biệt vô cùng thú vị. Các nhân vật bị thay đổi kích thước cơ thể (Nils biến thành người tí hon, Gulliver lạc vào xứ sở người tí hon Lilliput) để thay đổi hoàn toàn góc nhìn của nhân vật về thế giới xung quanh. Cấu trúc truyện theo mô-típ "vừa đi vừa trưởng thành" được sử dụng. Cả Nils và Huck Finn đều trải qua một chuyến đi dọc theo một lộ trình địa lý lớn (Nils bay dọc Thụy Điển, Huck Finn xuôi dòng sông Mississippi), những chuyến du hành kỳ diệu xuyên qua các không gian khác nhau để nhận ra những triết lý sống sâu sắc mà mắt thường không nhìn thấy được. Các tác phẩm đều nhấn mạnh mối quan hệ gắn kết, trách nhiệm giữa con người và muôn thú (Nils với ngỗng Morten, Hoàng tử bé với Cáo và Hoa hồng). Điều kể về một

đưa trẻ con người sống, giao tiếp và được nuôi dưỡng, bảo vệ bởi các loài động vật hoang dã (Nils đi cùng đàn ngỗng trời, Mowgli được nuôi bởi bầy sói). Cả hai cậu bé đều phải học "Luật của rừng" hoặc luật của tự nhiên để tồn tại, để từ những đứa trẻ ngỗ ngược, bốc đồng trở nên thấu hiểu giá trị của tình thương và sự tự do. Tuy thế, Nils của Selma lại mang những dấu ấn không thể trộn lẫn. Nếu hành trình của Gulliver mang tính châm biếm sâu cay về chính trị và bản tính con người, thì hành trình của Nils mang tính giáo dục, sửa đổi tính nết và hòa mình vào thiên nhiên hoang dã. Nếu Mowgli lớn lên từ nhỏ trong rừng và coi thế giới hoang dã là nhà, thì Nils chỉ tạm thời bước vào thế giới loài vật như một thử thách để tự nhận thức lại bản thân. Nếu hành trình của Huck Finn gắn liền với các vấn đề nhức nhối của xã hội Mỹ như nạn phân biệt chủng tộc, thì hành trình của Nils mang đậm tính sử thi dân gian, huyền thoại và ca ngợi vẻ đẹp địa lý tự nhiên. "*Hoàng tử bé*" mang tính triết lý hư ảo mang tâm vũ trụ, "*Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*" lại bám rất sát vào thực tế địa lý, văn hóa đời thực của một quốc gia cụ thể.

Con người Thụy Điển trong truyện thường được mô tả là ít nói, thực tế nhưng cực kỳ thẳng thắn. Họ sống không gian dối với thiên nhiên và với đồng loại. Chính sự chính trực này tạo nên một xã hội ổn định, nơi niềm tin giữa người với người là sợi dây liên kết bền chặt. Tự do đồng thời đi đôi với trách nhiệm. Đây là nét đặc sắc nhất trong phẩm chất con người Thụy Điển. Tự do không phải là tách rời cộng đồng mà là tự do để đóng góp. Người dân trong truyện luôn quý trọng sự tự do của cá nhân nhưng sẵn sàng đoàn kết khi có thiên tai hay khó khăn chung. Hình ảnh những ngôi trường làng và những buổi sinh hoạt cộng đồng cho thấy họ tự do lựa chọn giáo dục và tri thức để xây dựng một đất nước chính trực, minh bạch.

Lòng yêu tự do, nhân ái và chính trực đã tạo nên một bản sắc Thụy Điển, giúp họ vượt qua nghịch cảnh thiên nhiên để xây dựng một quốc gia văn minh và đạo đức. Hơn cả đức tính cá nhân, lòng yêu tự do và chính trực đã trở thành hồn cốt của cả một dân tộc. Tự do của người Thụy Điển hiện lên qua khát vọng chinh phục những vùng đất mới, từ những cánh đồng bao la phía Nam đến vùng

lãnh nguyên phương Bắc, nơi con người và muôn thú luôn khao khát được sống đúng với bản chất hoang dã và phóng khoáng của mình. Song hành cùng đó, sự chính trực đóng vai trò như một “luật lệ của trái tim”, giữ cho sự tự do ấy không trở nên hoang phí. Nó được thể hiện qua lối sống thẳng thắn, trọng danh dự và niềm tin tuyệt đối giữa người với người. Chính sự kết hợp hài hòa này đã nhào nặn nên một diện mạo Thụy Điển đầy bản lĩnh. Một quốc gia không chỉ giàu có về vật chất nhờ lao động mà còn hùng mạnh về tinh thần nhờ những con người biết đặt sự thật và lòng trung thành lên trên mọi lợi ích cá nhân.

2.2.3. Trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống.

Mỗi đất nước, mỗi dân tộc đều có những di sản của quá khứ truyền lại cho hiện tại và tương lai, mà người dân phải biết quý trọng để nhớ đến công ơn của ông cha. Một đêm nọ, Nils bị pho tượng đồng của vua Karl XI, chết đã ngoài hai thế kỷ, đuổi theo bắt, phải trốn vào quân cảng Karlskrona mà sinh thời nhà vua đã lập ra. Vì thế mà chú được thăm nào lò luyện sắt, nào xưởng chế máy, nào xưởng công binh, nào xưởng chữa pháo, được xem tất cả các loại tàu biển còn lưu lại hình mẫu trong viện bảo tàng, từ mấy trăm năm. Nils hết sức ngạc nhiên và khâm phục vì “người ta đã đóng những tàu to đến thế, đẹp đến thế trên đất nước này!”. Nghe nói chuyện về các tàu chiến, tàu trận ấy “chú biết là người ta đã chẳng quản xương máu và tính mạng, là người ta đã hi sinh đến đồng tiền cuối cùng là những người tài giỏi đã đem hết cố gắng ra để cải tiến và hoàn thiện các chiếc tàu đã bảo vệ tổ quốc này. Nghe nói đến tất cả những điều đó, chú bé rơm rớm nước mắt”. Rồi không sợ vua bắt nữa, Nils vẫy mũ hôto: Hua-ra, hua-ra con người có môi dày” để biết ơn nhà vua đã xây dựng ra nền hùng cường của nước mình trên mặt biển Baltic này.

Lại một đêm, Nils đến trú nhờ một cái trại hoang phế, được nghe con bò cái già kể chuyện là ấp ấy trước kia phát đạt lắm, khi ông chủ chết thì bà chủ đảm đang gánh vác tất cả mọi việc làm ăn, nuôi con; chỉ mong con khôn lớn thì mình sẽ được thanh thoi. Nhưng cứ lớn lên là các con bà đều đi ra nước ngoài cả, để đám cháu lại cho bà nuôi; rồi lớn lên bọn này cũng đi theo bố mẹ chúng ở đất khách quê người, chẳng một ai ở lại, chẳng một ai trở lại quê hương;

mà bà cũng chẳng yêu cầu một ai ở lại, bà bảo con bỏ cái rằng ở lại đất này họ chỉ có thể hi vọng được cảnh nghèo khổ mà thôi. Khi đưa cháu cuối cùng ra đi rồi là bà quỵ xuống, không kham nổi nữa, bán dần hết dinh cơ vì không chịu nổi cái cảnh phải thuê người lạ đến làm thay cho con cháu. Ở nước ngoài, chúng cũng thư từ mời bà sang với chúng, nhưng bà không chịu nhìn thấy cái đất nước đã cướp hết con cháu của mình. Bà chỉ oán trách cái đằm lầy đã lan ra không cho con cháu bà đủ đất làm ăn để có thể ở lại với bà. Và thế là đêm đó bà chết một mình, không kịp lên giường, đổ ngay xuống sàn nhà; may mà có Nils xót thương bà cô quạnh, vuốt mắt cho và túc trực suốt đêm cạnh thi hài bà. Nhà bà cũng chẳng nghèo, lại có bao thứ hàng gửi từ nước ngoài về, trên tường treo đầy ảnh con cháu chụp từ nước ngoài. Nhưng nhìn những chân dung ấy, Nils nghĩ rằng họ có mắt mà như mù, không muốn thấy cái gì phải làm. “Khốn khổ họ không thể nào chuộc được cái tội đã bỏ mẹ mà đi xa”.

Đây không phải là một truyện hư cấu, mà là tấn bi kịch phổ biến của nông thôn Thụy Điển và của nhiều nước nữa ở châu Âu, cuối thế kỉ trước đầu thế kỉ này. Chế độ tư bản chủ nghĩa mới phát triển, đã đẩy nhiều nông dân vào cảnh phá sản, khiến họ phải di cư sang Mỹ; nhưng cũng không ít người đã háo hức đi sang đấy mong dễ kiếm việc làm ăn hơn. Ngày nay các nước Bắc Âu có đời sống cao nhất thế giới chẳng ai bỏ nước ra đi, nhưng vào đầu thế kỉ này di cư là một vấn đề xã hội nghiêm trọng. Selma Lagerlof dựng ra truyện Bà lão nông dân chẳng phải là đã muốn nói với đám người sắp lớn lên rằng ở chốn quê hương phải xem tác đất là tác vàng, chớ để hoang phế rồi phải ra đi, bỏ mẹ bỏ cha, xót xa, thương tâm như vậy.

Dân là gốc của đất nước, thì trong truyện *Lời tiên đoán*, người nông dân già bướng bỉnh đã chẳng buộc bà phu nhân giỏi đoán số phải đi với mình đến cái kết luận rằng: “Tất cả những gì mà các quốc vương, và các tu sĩ, và các lãnh chúa, và các thị dân có thể sáng lập và xây dựng, rồi cũng sẽ chỉ được vài năm. Vì chỉ những kẻ cúi xuống làm cái lao động vĩnh viễn gian khổ trên đất đai là sẽ có thể giữ được từ thế kỉ này sang thế kỉ khác nền thịnh vượng và niềm vinh

quang của tỉnh nhà”. Trong quan niệm xã hội của mình, Selma Lagerlof vẫn tin tưởng ở chế độ nông dân gia trưởng như vậy.

Selma Lagerlof đã chống tích cực và có hiệu quả cái nạn nghiện rượu ở nước mình, thì trong Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils, Selma lại dành nhiều bút mực để nói đến cái bệnh xã hội tai hại nhất thời ấy là lao phổi.

Một gia đình hai vợ chồng, sáu con đang sống yên vui thì có người đàn bà ốm đến xin ở nhờ, rồi chết ngay trong nhà. Ít lâu sau thì gia đình ấy như trải qua những cơn ác mộng liên tiếp, một chuỗi đám tang liên liền, bốn đứa con theo nhau chết cùng một cái bệnh như người đàn bà nọ, đến nỗi người cha mất trí, bỏ ra đi mất tích; rồi người mẹ cũng chết, để lại hai chị em; Asa mười một tuổi và bé Mats chín tuổi, và đôi trẻ mồ côi phải làm lụng để nuôi nhau.

Thuở ấy người ta tin rằng một bà lão digan đã chài cho người đàn bà nọ chết, lại trù cho những ai cứu giúp người nọ cũng phải chết theo vì cái bệnh hiểm nghèo ấy. Nhưng một hôm đi dự một buổi diễn thuyết bình dân, Asa và Mats được biết thế nào là bệnh lao và cách đề phòng bệnh lao. Hai chị em căn kẽ hỏi lại diễn giả và được biết chắc rằng không phải bà lão digan kia đã chài cho nhà mình mắc bệnh. Thế là hai chị em liền quyết tâm đi tìm bố, mong làm cho bố khỏi loạn óc và trở lại với gia đình. Asa và Mats đi bộ suốt mấy nghìn kilômét, qua suốt nước Thụy Điển từ nam lên bắc, như Nils bay lên trời theo cánh chim vậy. Đến xã nào cũng thấy có người mắc bệnh lao, hai chị em đều bày cho họ cách phòng bệnh đừng để lây sang người khác, và vô tình đã thành ra hai người đi truyền bá vệ sinh phòng chống bệnh lao vậy.

Đầu thế kỉ này y học mới biết thế nào là bệnh lao và tai hại của bệnh ấy về mặt xã hội. Chắc chắn là rất nhiều người Thụy Điển và người nước ngoài nữa thời ấy đã được gột rửa những dị đoan, mê tín về bệnh ấy và biết cách phòng bệnh nhờ đọc truyện Asa cô bé chần ngỗng và bé Mats, vì thật không ngờ rằng nội dung của một bài vệ sinh thường thức lại đến với người ta rất sinh động và thấm thía qua một câu chuyện thiết thực mà thương tâm đến thế.

Nước Thụy Điển ngày nay có tổ chức y tế tốt, tuổi thọ con người vào hàng cao nhất thế giới, không phải là không có công lao của những nhà văn nặng ý thức trách nhiệm xã hội như Selma Lagerof.

Theo cách lí giải của nhà văn, sự trân trọng văn hóa truyền thống của người Thụy Điển không chỉ là việc giữ gìn những gì đã cũ, mà là cách họ đề quá khứ "sống" cùng hiện tại. Điều này được thể hiện qua các khía cạnh cụ thể.

Sự tôn vinh các truyền thuyết và huyền thoại địa phương: Người Thụy Điển luôn coi mỗi ngọn núi, dòng sông hay thành phố đều có một "linh hồn" gắn liền với cổ tích. Thay vì chỉ nhìn vùng Smaland là sỏi đá khô cằn, họ truyền tai nhau câu chuyện về cuộc thi giữa Chúa và Thánh Peter. Việc gìn giữ những câu chuyện này giúp con người gắn kết tình cảm với mảnh đất họ sống. Họ trân trọng văn hóa dân gian như một cách để giải thích về nguồn gốc và khẳng định bản sắc riêng biệt của từng vùng miền. Thay vì nhìn miền Cực bắc khí hậu khắc nghiệt, người ta xem đó là sự sắp xếp của Chúa. Vì nơi đó con người rất khó để sinh tồn nhưng lại là địa bàn lý tưởng cho muôn loài vật hoang dã, chỉ có ở xứ này.

Gìn giữ lối sống và các ngành nghề truyền thống: Sự trân trọng văn hóa thể hiện qua cách con người duy trì nhịp sống và phương thức lao động từ đời này sang đời khác. Những ngôi làng với kiến trúc đặc trưng, những khu mỏ cổ xưa ở Falun, hay cách chăn nuôi tuần lộc của người Sami ở phương Bắc. Người Thụy Điển không vội vàng phá bỏ cái cũ. Họ tự hào về những giá trị bền vững như sự khéo léo của nghề mộc, nghề rèn. Đối với họ, lao động truyền thống chính là di sản văn hóa sống.

Ý thức bảo tồn các di tích lịch sử: Hành trình của Nils đi qua nhiều lâu đài, nhà thờ và các đô thị cổ như: Lâu đài Glimmingehus hay thành phố cổ Visby. Tác giả miêu tả lâu đài Glimmingehus là một tòa tháp đá khổng lồ với những bức tường cực dày, được xây dựng từ thời trung cổ, tường đá dày đến mức "không tiếng động nào từ thế giới hiện đại bên ngoài có thể lọt vào". Trong khi thế giới bên ngoài thay đổi với những ngôi nhà hiện đại, con người ở đây nâng niu từng viên gạch cổ. Họ coi các công trình này là nhân chứng lịch

sử. Họ sống hòa quyện với các di tích, biến chúng thành một phần không thể thiếu trong cảnh quan hiện đại. Tác giả không chỉ tả đá và vôi, mà tả về "linh hồn" của lâu đài. Cuộc chiến giữa loài Chuột Đen, đại diện cho những cư dân cổ xưa, trọng danh dự, và Chuột Công, đại diện cho sự xâm lăng, tham lam ở nơi này chính là ẩn dụ cho việc bảo vệ những giá trị truyền thống trước sự tàn phá của thời gian và cái mới kịch cớm.

Duy trì các lễ hội và nghi lễ cộng đồng: Các phiên chợ truyền thống, những buổi tụ họp kể chuyện trong đêm đông, hay các lễ hội chào đón mùa xuân, đón Giáng sinh luôn là dịp để con người quây quần kể cho nhau nghe về truyền thuyết xứ sở mình, cùng thắp lên ánh sáng của âm áp và hi vọng, ăn những món ăn xưa. Ngọn lửa trong đêm lễ Nữ thánh Valborg mang vẻ đẹp tinh thần đặc biệt như thế: *“Khi lửa đã cháy to, người lớn và người già đều đến xem lửa không phải chỉ nhìn đẹp mà còn tỏa nhiều hơi ấm trong buổi tối trời lạnh, và người ta ngồi khắp chung quanh lửa, trên những tảng đá. Người ta ngồi đấy, mắt nhìn vào lửa, cho đến khi một người nào đó có ý kiến pha một tí cà phê, vì người ta có một ngọn lửa đẹp như thế. Và thường thì trong khi nước pha cà phê đang sôi, một người nào đó kể một câu chuyện, còn là người khác kể tiếp...”* [4, tr.348].

Từ các lễ hội đến thói quen nghỉ ngơi bên tách cà phê và trò chuyện. Con người duy trì những nghi thức này để kết nối các thế hệ và tìm thấy sự bình yên giữa nhịp sống vất vả. Đó là sự trân trọng những giá trị giản đơn nhưng bền vững. Họ trân trọng các lễ hội truyền thống vì đó là khoảng thời gian "vừa đủ" để tái tạo năng lượng tâm hồn và kết nối gia đình sau những ngày làm việc. Đây là dịp để các giá trị tinh thần được chuyển giao giữa các thế hệ. Qua đó, người Thụy Điển thể hiện sự trân trọng đối với sự gắn kết cộng đồng và những quy tắc đạo đức lâu đời.

Coi trọng "Luật lệ của tổ tiên": Điều này được phản ánh gián tiếp qua thế giới loài vật, đặc biệt là đàn ngỗng. Đàn ngỗng sống theo những quy tắc nghiêm ngặt đã tồn tại hàng trăm năm. Đây chính là hình ảnh ẩn dụ cho xã hội

Thụy Điển: một xã hội tự do nhưng luôn tôn trọng trật tự và những giá trị đạo đức mà cha ông đã đúc kết.

Những bức tường đá ở Smaland ngoài ý nghĩa là một công trình nông nghiệp còn trở thành biểu tượng nghệ thuật kết nối sâu sắc giữa văn hóa và sức lao động bền bỉ của người Thụy Điển. Những bức tường đá xám chạy dài dằng dặc khắp vùng Smaland chính là những trang sử sống động nhất viết về bản sắc văn hóa của con người Thụy Điển. Trong một không gian đầy rẫy sỏi đá và khắc nghiệt, thay vì đầu hàng số phận hay từ bỏ mảnh đất quê hương, người dân nơi đây đã chọn cách kiên nhẫn “nhặt nhạnh” khó khăn để xây dựng nên sự ổn định. Mỗi viên đá được nhặt lên không chỉ để làm sạch đồng ruộng mà còn để bồi đắp nên một giá trị văn hóa tinh thần: sự kiên định và tính kỷ luật. Những bức tường ấy vừa là ranh giới ngăn cách các trang trại, vừa là sợi dây liên kết các thế hệ. Chúng là minh chứng cho một lối sống coi trọng sự bền vững và trân trọng thành quả từ đôi tay trần. Qua hình ảnh này, Selma Lagerlof đã nâng tầm lao động lên thành một nét đẹp di sản, khẳng định rằng văn hóa Thụy Điển không chỉ nằm trong những lâu đài nguy nga, mà còn nằm ngay trong những bờ tường đá mộc mạc, nơi lòng kiên trì đã biến sự khắc nghiệt của thiên nhiên thành một biểu tượng của sự kiêu hãnh và bình yên. Các hồ nước lớn ở Lapland là trung tâm sinh kế của người bản địa Sami. Khi mặt hồ đóng băng, nó biến thành các đại lộ tự nhiên phẳng lặng để người Sami lùa các đàn tuần lộc băng qua, hoặc là nơi họ đục băng để câu cá hồi Bắc Cực.

Trân trọng văn hóa truyền thống đối với người Thụy Điển trong tác phẩm chính là lòng biết ơn. Họ biết ơn quá khứ vì đã tạo nên diện mạo đất nước hôm nay, và họ giữ gìn nó như một chiếc la bàn để dẫn dắt các thế hệ tương lai đi đúng hướng.

Kết luận chương 2

Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người Thụy Điển hiện lên qua trang sách của Selma chân thực phong phú và vô cùng biểu cảm. Một đất nước có địa hình đa dạng, có hệ sinh thái động, thực vật giàu có. Vẻ đẹp của con người Thụy Điển không nằm ở những điều hào nhoáng bên ngoài, mà kết tinh trong sự trung thực, tư duy đổi mới và lòng tôn kính đối với tự nhiên. Dù là một quốc gia hiện đại bậc nhất, con người Thụy Điển chưa bao giờ quay lưng với quá khứ. Họ biết cách gìn giữ các giá trị truyền thống giữa dòng chảy toàn cầu hóa, bên bờ cho thế giới thấy rằng một quốc gia có thể tiến xa về công nghệ và kinh tế mà vẫn giữ trọn được cốt cách đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc. Đó chính là chìa khóa tạo nên sự phát triển hài hòa và hạnh phúc của "xứ sở ánh sáng" phương Bắc này.

KẾT LUẬN

1. Với quá trình vượt thoát bi kịch của số phận, say mê sáng tác và cống hiến cho cộng đồng Selma Lagerlof đã để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ, đưa văn học Thụy Điển đứng ở vị thế mới trong văn học Bắc Âu. Đồng thời, Selma còn khẳng định vai trò đích thực của nhà văn đó là sự đồng cảm sâu sắc với con người, với nhân dân, đất nước. Bà đã thực hiện được một nhiệm vụ mà hiếm nhà văn nào làm được: Quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới thông qua đôi mắt trẻ thơ, định nghĩa lại "văn học thiếu nhi" không chỉ là truyện kể cho trẻ em, mà là tác phẩm nghệ thuật nghiêm túc cho mọi lứa tuổi. Tác phẩm không chỉ thay đổi sự nghiệp của bà mà còn thay đổi hoàn toàn cách nhìn nhận của thế giới về văn học Bắc Âu.

2. Thông qua lăng kính độc đáo của thể loại, Selma Lagerlof đã nâng tầm một cuốn sách giáo khoa địa lý trở thành một bản anh hùng ca về di sản và bản sắc dân tộc của Thụy Điển. Vẻ đẹp của đất nước này hiện lên không chỉ ở bình diện địa lý học với sự đa dạng của địa hình, thổ nhưỡng hay sự kỳ ảo của thiên nhiên theo mùa, mà còn là một chỉnh thể sinh thái nhân văn, thống nhất. Linh hồn của tác phẩm chính là sự khắc họa chân thực và đầy trân trọng về con người Thụy Điển. Qua hành trình của Nils, tác giả khẳng định rằng nội lực của quốc gia này được dệt nên từ hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt: lao động sáng tạo và đạo đức truyền thống. Nếu sự cần mẫn giúp họ cải tạo sỏi đá, chinh phục biên cả để tạo dựng nền văn minh, thì lòng chính trực và sự trân trọng những giá trị cổ xưa, yêu tự do, trọng danh dự và sống hòa hợp với vạn vật lại đóng vai trò là "mỏ neo" tinh thần, giúp con người giữ vững bản sắc trước sự biến chuyển của thời đại.

3. Cuốn sách góp phần giúp độc giả nhiều lứa tuổi thấu hiểu, yêu quý đời sống bình dị của chính mình và tôn trọng thiên nhiên bí ẩn, kỳ diệu bên ngoài. Tác phẩm của Selma Lagerlof, vì thế, đã vượt ra khỏi giới hạn của một cuốn sách tập đọc như mục đích ban đầu của Selma Lagerlof để trở thành biểu tượng của tinh thần Thụy Điển, đồng thời là một di sản quý giá về giáo dục nhân cách cho nhân loại.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Hà Minh Đức (Chủ biên) (2003), *Lí luận văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Lê Bá Hán (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Phương Lựu (2001), *Lí luận phê bình văn học phương Tây*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Selma Lagerlof (2017), *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils*, Hoàng Thiều Sơn dịch, tái bản lần thứ 4, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Website

5. <https://suckhoedoisong.vn/cao-thom-lan-gio-lagerlof-ngghi-gi-169142749.htm>, ngày truy cập: 14/10/2025
6. <https://www.nxbtre.com.vn/en/news/selma-lagerlf-voi-cuoc-phieu-luu-ky-dieu-cua-nils-2260.html>, ngày truy cập: 13/10/2025
7. <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Mai-van-la-ky-tich-i326812>, ngày truy cập: 14/10/2025.
8. <https://znews.vn/cuon-truyen-thieu-nhi-xuat-sac-dua-tac-gia-den-voi-giai-nobel-post965885.html>, ngày truy cập: 12/09/2025.
9. <https://phunuvietnam.vn/mua-he-hanh-phuc-cung-voi-cuoc-phieu-luu-ky-dieu-cua-nils-holgersson-20200710163753341.htm>, ngày truy cập: 08/10/2025.
10. <https://kienthuc.net.vn/khong-the-roi-mat-voi-cuoc-phieu-luu-kydieu-cua-nils-post1024438.html>, ngày truy cập: 15/10/2025.
11. <https://baoquocte.vn/mot-thoang-van-hoc-thuy-dien-215200.html>, ngày truy cập: 15/10/2025.
12. <https://suckhoedoisong.vn/truyen-thong-van-hoc-nu-thuy-dien-16920453.htm>, ngày truy cập: 15/10/2025.
13. <https://baoquocte.vn/thuy-dien-truyen-thong-van-hoc-nu-gioi-va-selma-lagerlof-ky-cuoi-231080.html>, ngày truy cập: 15/10/2025.

14. <https://www.nxbtre.com.vn/diem-tin/selma-lagerlf-voi-cuoc-phieu-luu-ky-dieu-cua-nils-2260.html>, ngày truy cập: 02/10/2025.
15. <https://rosetta.vn/nguyenxuanxanh/nils-holgersson-cua-selma-lagerlof/>, ngày truy cập: 15/10/2025.
16. <https://news.zing.vn/mot-kiet-tac-van-chuong-cho-thieu-nhi-post688542.html>, ngày truy cập: 15/10/2025.
17. <https://znews.vn/cac-tac-pham-thieu-nhi-hap-dan-nho-yeu-to-phieu-luu-post1222008.html>, ngày truy cập: 15/10/2025.